



BỘ Y TẾ



CƠ QUAN HỢP TÁC QUỐC TẾ NHẬT BẢN

**DỰ ÁN TĂNG CƯỜNG HỆ THỐNG ĐÀO TẠO LÂM SÀNG
CHO ĐIỀU DƯỠNG MỚI TỐT NGHIỆP TẠI VIỆT NAM**

**CHƯƠNG TRÌNH VÀ TÀI LIỆU
ĐÀO TẠO THỰC HÀNH LÂM SÀNG
CHO ĐIỀU DƯỠNG VIÊN MỚI**

MỤC LỤC

I. HƯỚNG DẪN ĐÀO TẠO THỰC HÀNH LÂM SÀNG CHO ĐIỀU DƯỠNG VIÊN MỚI	5
Chương I. Giới thiệu Hướng dẫn	7
1.1. Mục đích của việc xây dựng Hướng dẫn	7
1.2. Căn cứ xây dựng Hướng dẫn	7
1.3. Cấu trúc của Hướng dẫn	8
Chương II. Hệ thống tổ chức đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới	9
2.1. Mục đích của đào tạo thực hành lâm sàng	9
2.2. Giải thích từ ngữ	9
2.3. Tiêu chuẩn liên quan đào tạo thực hành lâm sàng	10
2.4. Hệ thống đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới	10
2.5. Trình tự, thủ tục đăng ký học chương trình đào tạo thực hành lâm sàng	12
2.6. Kinh phí đào tạo	12
2.7. Trách nhiệm của cơ sở đào tạo thực hành lâm sàng đối với điều dưỡng viên mới khi xảy ra sự cố	13
2.8. Cấp giấy xác nhận quá trình thực hành	13
Chương III. Mục tiêu, nội dung và tổ chức đào tạo, phương pháp đánh giá sau khi kết thúc chương trình đào tạo	14
3.1. Mục tiêu	14
3.2. Nội dung đào tạo	14
3.3. Tổ chức đào tạo	14
3.4. Đánh giá đào tạo	15
3.5. Vận dụng hồ sơ đào tạo	15
Chương IV. Đào tạo người phụ trách đào tạo, người hướng dẫn thực hành lâm sàng	16
Chương V. Đánh giá kế hoạch đào tạo, hệ thống đào tạo	17
5.1. Đánh giá theo năm	17

5.2. Đánh giá theo thời kỳ.....	17
5.3. Đánh giá theo khóa đào tạo.....	17
II. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH LÂM SÀNG CHO ĐIỀU DƯỠNG VIÊN MỚI	19
1. Sự cần thiết.....	21
1.1. Cơ sở thực tiễn.....	21
1.2. Cơ sở pháp lý.....	21
1.3. Yêu cầu năng lực học viên cần đạt sau đào tạo thực hành lâm sàng.....	22
2. Mục tiêu chương trình	22
2.1. Mục tiêu chung.....	22
2.2. Mục tiêu cụ thể.....	23
3. Đối tượng đào tạo	24
4. Khung chương trình đào tạo	24
4.1. Khối lượng kiến thức và thời gian đào tạo	24
4.2. Danh mục chương trình đào tạo	24
5. Hướng dẫn tổ chức thực hiện	26
5.1. Điều kiện để thực hiện chương trình.....	26
5.2. Về phương pháp đào tạo.....	27
5.3. Đánh giá và cấp giấy xác nhận quá trình thực hành.....	27
6. Kế hoạch đào tạo (Mẫu đề xuất)	28
III.HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP.....	33
IV. BỘ TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KỸ THUẬT CHUẨN NHẪM ĐO LƯỜNG KỸ NĂNG LÂM SÀNG, KIẾN THỨC VÀ NĂNG LỰC CỦA CÁC ĐIỀU DƯỠNG MỚI	45
PHỤ LỤC	61
1. Các loại biểu mẫu	63
1.1. Mẫu ghi bài tập tình huống (ca bệnh trong lâm sàng).....	63
1.2. Mẫu ghi tư vấn, giáo dục sức khỏe người bệnh ra viện.....	66
2. Tài liệu dẫn chứng.....	69
2.1. Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam.....	69
2.2. Chuẩn đạo đức của Điều dưỡng Việt Nam.....	81

I. HƯỚNG DẪN ĐÀO TẠO THỰC HÀNH LÂM SÀNG CHO ĐIỀU DƯỠNG VIÊN MỚI

Chương I. Giới thiệu Hướng dẫn

1.1. MỤC ĐÍCH CỦA VIỆC XÂY DỰNG HƯỚNG DẪN

Theo qui định tại khoản 1, Điều 24 Luật Khám bệnh, chữa bệnh của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 40/2009/QH-12 ngày 23/11/2009: Để được cấp chứng chỉ hành nghề, Điều dưỡng viên phải thực hành tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong thời gian thời gian 9 tháng. Vì vậy, để đảm bảo chất lượng đào tạo thực hành lâm sàng, cần có hướng dẫn thực hiện đào tạo cho các bên có liên quan. Hướng dẫn này đưa ra định hướng về nội dung, phương pháp đào tạo, các hạng mục cơ sở y tế chịu trách nhiệm đào tạo phải chuẩn bị và vai trò của các nhân viên liên quan đến đào tạo.

Đồng thời, việc xây dựng văn hoá tổ chức và phát triển nghề điều dưỡng rất quan trọng. Hướng dẫn này hướng tới công tác củng cố và phát triển hơn nữa nền móng đào tạo nghề điều dưỡng tại các cơ sở y tế thông qua việc đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới.

Bên cạnh đó, để đáp ứng linh hoạt với nhu cầu của xã hội đối với điều dưỡng, cùng với xu hướng phát triển của ngành Điều dưỡng, Hướng dẫn này phải thường xuyên được xem xét, sửa đổi cho phù hợp.

1.2. CĂN CỨ XÂY DỰNG HƯỚNG DẪN

Trong bối cảnh dịch vụ chăm sóc y tế phát triển mạnh, cơ cấu bệnh tật thay đổi, tình trạng già hoá dân số đang đến gần, do vậy, gia tăng nhu cầu về nhân lực y tế kèm theo đó là sự đa dạng các loại hình dịch vụ chăm sóc đảm bảo cả về chất và lượng. Bên cạnh đó, về hội nhập quốc tế, Việt Nam đã tham gia và là thành viên chính thức của Tổ chức y tế thế giới (*WHO*), Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (*ASEAN*), Tổ chức Thương mại Thế giới (*WTO*)... Ngày 8/12/2016, Bộ trưởng Kinh tế các nước ASEAN đã ký Bản công nhận chung sửa đổi năm 2006 của các nước ASEAN về dịch vụ điều dưỡng, trong đó các nước ASEAN đã thống nhất nguyên tắc về sự công nhận, tính thích hợp cũng như sự cam kết của điều dưỡng giữa các nước trong khu vực.

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 40/2009/QH12 ngày 23 tháng 11 năm 2009 (*Điều 24*);

Căn cứ Nghị định 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (*Điều 16*);

Căn cứ Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV, ngày 07/10/2015 của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ về Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật Y (*Điều 4, điều 5, điều 6*);

Căn cứ Thông tư số 22/2013/TT-BYT ngày 09/8/2013 của Bộ Y tế về Hướng dẫn việc đào tạo liên tục cho cán bộ y tế;

Căn cứ Chuẩn năng lực cơ bản của điều dưỡng Việt Nam, ban hành kèm theo Quyết định số 1352/QĐ-BYT ngày 21/4/2012 của Bộ Y tế.

Mặt khác, Điều dưỡng được đào tạo tại các cơ sở đào tạo khác nhau nên trình độ của điều dưỡng sau khi tốt nghiệp không đồng đều. Nhiều trường thiếu cơ sở thực hành tiền lâm sàng,

trong khi điều kiện thực hành lâm sàng tại bệnh viện còn nhiều khó khăn làm ảnh hưởng đến năng lực thực hành lâm sàng của điều dưỡng sau khi tốt nghiệp.

Vì thế, việc chuẩn hóa đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới, đảm bảo chất lượng thực hành của điều dưỡng và giúp điều dưỡng viên nâng cao năng lực chăm sóc người bệnh một cách chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu thực hiện thỏa thuận công nhận lẫn nhau về điều dưỡng trong các nước ASEAN và hội nhập quốc tế là yêu cầu cấp bách.

Do đó, Bộ Y tế Việt Nam phối hợp với tổ chức JICA-Nhật Bản cùng với các chuyên gia điều dưỡng, Hội điều dưỡng Việt Nam xây dựng ***“Hướng dẫn đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới”***.

1.3. CẤU TRÚC CỦA HƯỚNG DẪN

Hướng dẫn này bao gồm các chương:

Chương I: Giới thiệu Hướng dẫn

Chương II: Hệ thống tổ chức đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới

Chương III: Mục tiêu, nội dung và tổ chức đào tạo, phương pháp đánh giá sau khi kết thúc chương trình đào tạo

Chương IV: Đào tạo người phụ trách đào tạo, người hướng dẫn thực hành lâm sàng

Chương V: Đánh giá kế hoạch đào tạo, hệ thống đào tạo.

Tuy vậy, trong quá trình thực hiện có thể áp dụng linh hoạt cho phù hợp với tình hình thực tế của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Chương II. Hệ thống tổ chức đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới

2.1. MỤC ĐÍCH CỦA ĐÀO TẠO THỰC HÀNH LÂM SÀNG

Tại khoản 1, Điều 24 Luật Khám bệnh, chữa bệnh của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 40/2009 QH-12 ngày 23/11/2009 nêu rõ “*Người có văn bằng chuyên môn liên quan đến y tế được cấp hoặc công nhận tại Việt Nam, trước khi được cấp chứng chỉ hành nghề, phải qua thời gian 9 tháng thực hành tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đối với điều dưỡng viên, kỹ thuật viên*”.

Trên thực tế, hiện nay phương pháp đào tạo kỹ năng thực hành lâm sàng tại các trường đào tạo điều dưỡng chưa được thống nhất do nhiều lý do khác nhau hoặc về cơ sở vật chất, hoặc chất lượng giảng viên. Chương trình đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới nhằm bổ sung một cách đầy đủ và chuẩn hóa kỹ năng thực hành đồng thời nâng cao năng lực thực hành cho điều dưỡng viên mới, đáp ứng nhu cầu thực tế tại các cơ sở khám chữa bệnh nơi sử dụng nhân lực điều dưỡng đồng thời để họ có chứng chỉ hành nghề.

2.2. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Một số từ/cụm từ sử dụng trong Hướng dẫn này được hiểu như sau:

- (1) Người chịu trách nhiệm đào tạo thực hành lâm sàng (*gọi tắt là người chịu trách nhiệm đào tạo*): là người chịu trách nhiệm chính trong toàn bộ quá trình đào tạo và điều phối việc liên kết giữa các cơ sở khám chữa bệnh (*nếu có*).
- (2) Người quản lý đào tạo thực hành lâm sàng (*gọi tắt là người quản lý đào tạo*): là người tham mưu cho người chịu trách nhiệm đào tạo trong toàn bộ quá trình đào tạo Điều dưỡng viên mới, kết nối giữa lãnh đạo các khoa/phòng và là người điều phối nhân lực trong hệ thống đào tạo.
- (3) Người phụ trách đào tạo thực hành lâm sàng (*gọi tắt là người phụ trách đào tạo*): là người xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo tại các khoa.
- (4) Người hướng dẫn thực hành lâm sàng (*gọi tắt là người hướng dẫn*): là người trực tiếp hướng dẫn điều dưỡng viên mới về thực hành lâm sàng.
- (5) Điều dưỡng viên mới tốt nghiệp (*gọi tắt là điều dưỡng viên mới*): là người đã có bằng tốt nghiệp chương trình đào tạo điều dưỡng, chưa được cấp chứng chỉ hành nghề điều dưỡng và tự nguyện tham gia đào tạo.
- (6) Cơ sở đào tạo: là bệnh viện đủ tiêu chuẩn theo mục 2.3.2 của Hướng dẫn này.

2.3. TIÊU CHUẨN LIÊN QUAN ĐÀO TẠO THỰC HÀNH LÂM SÀNG

2.3.1. Tiêu chuẩn học viên

Người đã có bằng tốt nghiệp chương trình đào tạo điều dưỡng, chưa được cấp chứng chỉ hành nghề điều dưỡng và tự nguyện tham gia đào tạo.

2.3.2. Tiêu chuẩn cơ sở đào tạo

Để trở thành cơ sở đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới, bệnh viện cần có đủ các tiêu chuẩn sau:

Tiêu chuẩn 1: Bệnh viện tuyến huyện trở lên;

Tiêu chuẩn 2: Có hội trường có thể giảng dạy, đảm bảo đủ trang thiết bị dạy học và vật tư tiêu hao thiết yếu phục vụ cho thực hành;

Tiêu chuẩn 3: Các khoa lâm sàng được chọn có khả năng đáp ứng các nội dung theo chương trình thực hành lâm sàng của học viên;

Tiêu chuẩn 4: Có phân công người chịu trách nhiệm đào tạo, người quản lý đào tạo

Tiêu chuẩn 5: Có phân công người phụ trách đào tạo đảm bảo đủ các tiêu chuẩn sau:

- Là Trưởng/Phó phòng Điều dưỡng hoặc Điều dưỡng trưởng khoa;
- Có kinh nghiệm thực hành lâm sàng từ 5 năm trở lên;
- Là người đã tham gia khóa “*Đào tạo giáo viên/người hướng dẫn thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới*”.

Tiêu chuẩn 6: Có Người hướng dẫn thực hành lâm sàng đảm bảo các điều kiện quy định tại Khoản 3, Điều 16 Nghị định 109/2016/NĐ-CP:

- Có chứng chỉ hành nghề;
- Có phạm vi hoạt động chuyên môn phù hợp với văn bằng của người thực hành;
- Có trình độ đào tạo tương đương hoặc cao hơn người thực hành;
- Có thời gian kinh nghiệm lâm sàng liên tục trong phạm vi chuyên môn từ 3 năm trở lên;
- Được đào tạo phương pháp giảng dạy lâm sàng hoặc hoàn thành khóa “*Đào tạo giáo viên/người hướng dẫn thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới*”.

2.4. HỆ THỐNG ĐÀO TẠO THỰC HÀNH LÂM SÀNG CHO ĐIỀU DƯỠNG VIÊN MỚI

Người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chịu trách nhiệm trong việc xây dựng hệ thống đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới, hướng đến cung cấp dịch vụ điều dưỡng đảm bảo an toàn, chất lượng và tăng cường sự hài lòng của người bệnh, người nhà người bệnh và cộng đồng. Cần xây dựng hệ thống quản lý và hệ thống hỗ trợ đào tạo mang tính thực tế, nhằm đảm bảo mục tiêu khóa học, giúp nhân viên điều dưỡng có thể tích lũy các kinh nghiệm đã học, đồng thời người điều dưỡng viên mới phải tự rèn luyện bản thân trong suốt quá trình làm việc.

2.4.1. Vai trò của từng cá nhân trong hệ thống đào tạo

(1) Người chịu trách nhiệm đào tạo:

- Có trách nhiệm trong toàn bộ quá trình tổ chức đào tạo và kết quả đào tạo tại cơ sở (*chịu trách nhiệm chung*).
- Phê duyệt kế hoạch đào tạo và có vai trò liên kết giữa các cơ sở đào tạo (*trường hợp liên kết với cơ sở khác*).
- Hỗ trợ, hướng dẫn người quản lý đào tạo.
- Xác nhận quá trình thực hành cho điều dưỡng viên mới theo qui định.

(2) Người quản lý đào tạo:

- Chịu trách nhiệm chính trong công tác tổ chức, quản lý đào tạo.
- Điều phối các hoạt động đào tạo.
- Chỉ đạo và hướng dẫn người phụ trách đào tạo xây dựng kế hoạch đào tạo thực hành lâm sàng, kế hoạch đánh giá điều dưỡng viên mới.

(3) Người phụ trách đào tạo:

- Lập kế hoạch đào tạo và kế hoạch đánh giá thực hành lâm sàng tại các khoa.
- Tổ chức đào tạo và đánh giá đào tạo.
- Đánh giá mức độ hoàn thành của điều dưỡng viên mới.
- Phân công người hướng dẫn điều dưỡng viên mới và hướng dẫn cho người hướng dẫn.

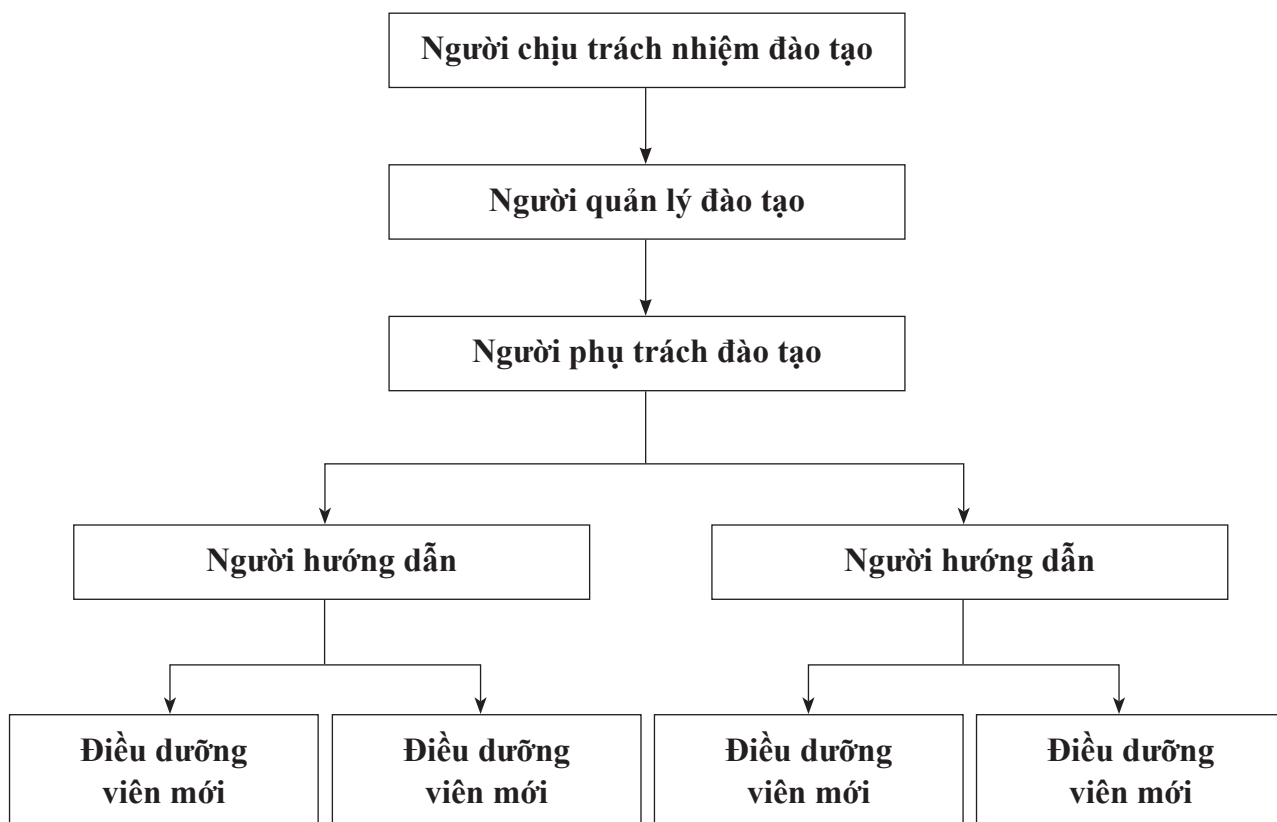
(4) Người hướng dẫn:

- Trực tiếp hướng dẫn thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới.
- Tiến hành đánh giá điều dưỡng viên mới trong phạm vi vai trò của người hướng dẫn.
- Hỗ trợ tổ chức đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới.

(5) Điều dưỡng viên mới:

- Chủ động tham gia đào tạo.
- Tuân thủ các qui định của cơ sở đào tạo và sự giám sát của người phụ trách đào tạo, người hướng dẫn.
- Nỗ lực học tập và luôn phấn đấu học tập liên tục.

2.4.2. Sơ đồ hệ thống đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới



Sơ đồ hệ thống đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới

2.4.3. Năng lực của cơ sở đào tạo

Khi thực hiện đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới, các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thể lựa chọn phương pháp thích hợp với tình hình thực tế của đơn vị. Trong mọi trường hợp, cần phải chuẩn bị tốt hệ thống để thực hiện đào tạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và cần làm rõ vai trò của hệ thống.

Chú ý: Tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có ít học viên hay cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quy mô nhỏ, không thể tổ chức thực hiện toàn bộ nội dung chương trình thì có thể xem xét phối hợp với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác hoặc Trường đào tạo điều dưỡng có đủ điều kiện để thực hiện khóa đào tạo thực hành theo chương trình đào tạo.

2.5. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐĂNG KÝ HỌC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH LÂM SÀNG

Thực hiện theo nội dung của Nghị định 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

2.6. KINH PHÍ ĐÀO TẠO

Thực hiện theo qui định hiện hành.

2.7. TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO THỰC HÀNH LÂM SÀNG ĐỐI VỚI ĐIỀU DƯỠNG VIÊN MỚI KHI XẢY RA SỰ CỐ

Trong thời gian tham gia đào tạo nếu xảy ra sự cố đối với học viên, thực hiện theo Luật khám bệnh, chữa bệnh của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 40/2009 QH-12 ngày 23/11/2009 tại Điều 34: Quyền được bảo vệ khi xảy ra tai biến đối với người bệnh, Điều 35: Quyền được đảm bảo An toàn khi hành nghề tại mục 3 của luật này. Điều 16 Nghị định 109/2016: Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm trong trường hợp người thực hành gây sai sót chuyên môn trong quá trình thực hành, gây ảnh hưởng đến sức khỏe của người bệnh do lỗi của người hướng dẫn thực hành.

2.8. CẤP GIẤY XÁC NHẬN QUÁ TRÌNH THỰC HÀNH

Giấy xác nhận quá trình thực hành được cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tổ chức đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng mới cấp cho học viên đáp ứng được các yêu cầu của khóa học theo Nghị định 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 Quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám chữa bệnh.

Chương III. Mục tiêu, nội dung và tổ chức đào tạo, phương pháp đánh giá sau khi kết thúc chương trình đào tạo

3.1. MỤC TIÊU:

Mục tiêu cần đạt của điều dưỡng viên mới khi kết thúc khóa học đào tạo thực hành:

- (1) Thực hiện được kỹ thuật chăm sóc cơ bản dựa theo chuẩn năng lực.
- (2) Quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực chăm sóc
- (3) Thực hành chăm sóc người bệnh đảm bảo an toàn và phòng ngừa nhiễm khuẩn
- (4) Thực hiện được kỹ năng giao tiếp, tư vấn giáo dục sức khỏe và làm việc nhóm.
- (5) Hành nghề theo pháp luật và đạo đức nghề nghiệp.

3.2. NỘI DUNG ĐÀO TẠO

Theo chương trình Hướng dẫn đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới.

Phân bổ thời gian đào tạo: 38 tuần x 40 tiết học/tuần.

TT	Khối kiến thức	Số tuần
1	Định hướng	03
2	Lý thuyết bổ trợ	
3	Củng cố kỹ năng thực hành kỹ thuật chăm sóc cơ bản	32
4	Ôn tập, kiểm tra và đánh giá	03
	Tổng	38

3.3. TỔ CHỨC ĐÀO TẠO

- Điều dưỡng viên mới tham gia học liên tục trong thời gian 9 tháng
- Học thực hành tiền lâm sàng, nếu cơ sở đào tạo không có phòng tiền lâm sàng có thể phối hợp với trường đào tạo điều dưỡng để thực hiện chương trình đào tạo.
- Học thực hành tại các khoa lâm sàng thực hiện đủ các nội dung trong chương trình đào tạo.
- Điều dưỡng viên mới thực tập tại các khoa lâm sàng, được phân công theo nhóm làm việc cùng với nhân viên trong khoa.
- Thực hành lâm sàng có thể thực hiện bằng hình thức luân khoa, hoặc có thể thực hiện tại một khoa nhất định.
- Việc học lý thuyết, thực hành, thực hành lâm sàng, đánh giá nhằm kết hợp các phần với nhau một cách hiệu quả.

- Kết hợp phương pháp đào tạo tại khoa lâm sàng (*dưới đây gọi tắt là OJT - On the Job Training*) và đào tạo tập trung (*sau đây gọi tắt là Off JT - Off the Job Training*) để có được kết quả tối ưu trong đào tạo.

3.4. ĐÁNH GIÁ ĐÀO TẠO

Thực hiện đánh giá cùng với việc xác nhận những nội dung đã học được, thực hiện phản hồi lại, để điều dưỡng viên mới tự tin từng bước tiếp thu kiến thức và phát triển năng lực. Thực hiện kết hợp điều dưỡng viên mới tự đánh giá và đánh giá do người hướng dẫn, người phụ trách đào tạo thực hiện. Người thực hiện đánh giá cùng với điều dưỡng viên mới thực hiện đánh giá theo tinh thần khích lệ.

3.4.1. Thời điểm đánh giá

Thực hiện đánh giá khi bắt đầu đào tạo, sau 3 tháng, sau 6 tháng, khi kết thúc đào tạo. Khi bắt đầu đào tạo thực hiện đánh giá để làm rõ nội dung thực hiện trong khóa đào tạo, ngoài ra sau 3 tháng, sau 6 tháng thực hiện đánh giá để làm rõ nội dung đào tạo sau đó. Khi kết thúc đào tạo đánh giá mức độ đạt được khi kết thúc.

Những trường hợp đào tạo theo hình thức luân khoa, có thể thực hiện đánh giá tại thời điểm tiến hành luân khoa.

3.4.2. Phương pháp đánh giá

- Khi bắt đầu đào tạo: sử dụng bảng kiểm đánh giá để điều dưỡng viên mới thực hiện tự đánh giá.
- Sau 3 tháng: sử dụng bảng kiểm đánh giá, hồ sơ đào tạo để tự đánh giá và đánh giá do người khác thực hiện như người hướng dẫn hoặc người phụ trách đào tạo.
- Sau 6 tháng: sử dụng bảng kiểm đánh giá, hồ sơ đào tạo để thực hiện tự đánh giá và đánh giá do người khác thực hiện như người hướng dẫn hoặc người phụ trách.
- Khi hoàn thành: sử dụng bảng kiểm đánh giá, hồ sơ đào tạo, báo cáo tự đánh giá của điều dưỡng viên mới và đánh giá do người khác thực hiện như người hướng dẫn hoặc người phụ trách đào tạo.

3.5. VẬN DỤNG HỒ SƠ ĐÀO TẠO

Để tích lũy năng lực, thành quả thu được, điều dưỡng viên mới tự xây dựng mục tiêu cho bản thân, vận dụng hồ sơ đào tạo sao cho hiệu quả. Sử dụng hồ sơ đào tạo để xem xét sự trưởng thành của điều dưỡng viên mới.

Chương IV. Đào tạo người phụ trách đào tạo, người hướng dẫn thực hành lâm sàng

Ý nghĩa của đào tạo lâm sàng là học những kỹ năng thực hành chăm sóc cơ bản mà không học được trong quá trình đào tạo tại các trường điều dưỡng, thông qua hình thức đào tạo OJT tại các cơ sở y tế. Chính vì vậy, trên lâm sàng nơi có nhiều tình huống phát sinh khác nhau, vai trò của người phụ trách đào tạo và người hướng dẫn trong quá trình hướng dẫn rất quan trọng. Khi tổ chức đào tạo thực hành lâm sàng, rất cần đội ngũ nhân lực có năng lực thực hành chăm sóc chất lượng cao, có thể hỗ trợ và hướng dẫn phù hợp cho điều dưỡng viên mới, do đó phát triển năng lực và nâng cao năng lực cho người phụ trách đào tạo và người hướng dẫn là điều không thể thiếu.

Người phụ trách đào tạo và người hướng dẫn có vai trò nắm bắt tình trạng của điều dưỡng viên mới, thực hiện hướng dẫn thực hành chăm sóc nhằm mang lại hiệu quả cho hoạt động đào tạo. Ngoài ra, để điều dưỡng viên mới thích ứng với lâm sàng và có được năng lực thực hành chăm sóc, cần hỗ trợ về mặt tinh thần, kiên nhẫn và tình cảm. Để điều dưỡng viên mới cảm nhận được ý nghĩa của công tác chăm sóc, đồng thời cảm thấy tự hào đối với công việc chăm sóc, người thực hiện hướng dẫn nên thể hiện vai trò hình mẫu cho điều dưỡng viên mới học tập. Người phụ trách đào tạo được kỳ vọng trong hoạt động điều phối với các nhân viên khác có liên quan tới điều dưỡng viên mới tại khoa phòng, giúp mọi người quan tâm, bảo vệ điều dưỡng viên mới và nỗ lực xây dựng tổ chức có cơ chế hỗ trợ nuôi dưỡng nhân viên. Mặt khác, thông qua các hoạt động liên quan tới điều dưỡng viên mới, người phụ trách đào tạo và người hướng dẫn cũng sẽ trưởng thành hơn trong vai trò là điều dưỡng viên.

Để đào tạo người phụ trách đào tạo và người hướng dẫn, điều quan trọng là người chịu trách nhiệm đào tạo và người quản lý đào tạo cần tổ chức đào tạo nhân lực phụ trách đào tạo và hướng dẫn sao cho đội ngũ này được tham gia đào tạo thường xuyên theo kế hoạch.

Chương V. Đánh giá kế hoạch đào tạo, hệ thống đào tạo

Đào tạo thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới cần thiết phải thực hiện định kỳ theo dõi quá trình thực hiện, đánh giá kết quả.

Bộ Y tế, Sở Y tế, các cơ sở đào tạo thực hiện đào tạo ứng với từng vai trò tiến hành đánh giá.

5.1. ĐÁNH GIÁ THEO NĂM

Tiến hành đánh giá kết quả đào tạo của năm trước, phản ánh vào việc lập kế hoạch của năm tiếp theo.

Thực hiện đánh giá tính thích hợp của người tham gia đào tạo đã dự kiến, số người hoàn thành đào tạo, tình trạng mức độ hoàn thành mục tiêu, đào tạo người hướng dẫn, người phụ trách đào tạo thực hành lâm sàng, vận hành tổ chức đào tạo, kinh phí, kế hoạch đào tạo. Đối với cơ sở đào tạo, khi thực hiện đánh giá cần đánh giá xem có cần sự giám sát của bên ngoài hay không.

5.2. ĐÁNH GIÁ THEO THỜI KỲ

Đánh giá đào tạo có được thực hiện theo đúng kế hoạch hay không, mức độ hoàn thành mục tiêu, các vấn đề trong quá trình vận hành tổ chức đào tạo, với mỗi thời gian nhất định sẽ theo dõi đào tạo, vận dụng vào thảo luận về chỉnh sửa, bổ sung kế hoạch đào tạo sau đó.

5.3. ĐÁNH GIÁ THEO KHÓA ĐÀO TẠO

Việc đánh giá đào tạo thực hiện trên quan điểm không chỉ đánh giá sự thay đổi về kiến thức, kỹ thuật hay sự hài lòng của người tham gia đào tạo khi hoàn thành chương trình, mà còn đánh giá trên quan điểm đã tiếp cận mục tiêu phải đạt được khi hoàn thành khóa đào tạo thực hành 9 tháng ở mức độ nào. Sau đó vận dụng vào việc cải thiện đào tạo của từng cá nhân người tham gia đào tạo và đánh giá việc đào tạo đó.

Việc đánh giá đào tạo được thực hiện để xác nhận tính thỏa đáng, tính phù hợp của chương trình đào tạo, phán đoán độ đạt được mục tiêu của chương trình đào tạo. Đánh giá mục tiêu, nội dung, phương pháp, hệ thống đào tạo, người giảng, giáo trình, việc cung cấp thông tin trước đến học viên, kế hoạch, vận hành tổ chức đào tạo phù hợp về thời gian địa điểm kinh phí. Đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu, đánh giá giảng viên, đánh giá sự hài lòng của học viên hay mức độ hoàn thành mục tiêu cần đạt.

Kết quả đánh giá rất quan trọng trong việc phản hồi cho người tham gia đào tạo, chia sẻ thông tin giữa những người tham gia đào tạo để áp dụng vào việc lập kế hoạch đào tạo tổng thể của năm tiếp theo.

II. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH LÂM SÀNG CHO ĐIỀU DƯỠNG VIÊN MỚI

1. SỰ CẦN THIẾT

1.1. Cơ sở thực tiễn

Tại các nước phát triển, Chứng chỉ hành nghề điều dưỡng (*Licensed practical nurse*) thường do các Hiệp hội Điều dưỡng quốc gia cấp và chỉ cấp cho các Điều dưỡng có đăng ký (*Registered nurse*). Điều dưỡng có đăng ký phải học đến trình độ cử nhân (4 năm) hoặc sau khi học xong trình độ cao đẳng (từ 2 đến 3 năm tùy từng quốc gia và yêu cầu đầu vào của trình độ cao đẳng) phải học tiếp 2 năm tại các trường đại học Điều dưỡng. Để có chứng chỉ hành nghề, các điều dưỡng đủ điều kiện phải trải qua một kỳ thi quốc gia hết sức nghiêm ngặt¹.

Các nước thường chỉ có 2 bậc học: hoặc 2 và 4 năm (*tương đương trung cấp và đại học của Việt Nam, ví dụ: Thái Lan, Đài Loan...*) hoặc 3 và 4 năm (*tương đương cao đẳng và đại học của Việt Nam, ví dụ: Hoa Kỳ, Malayxia, Nhật...*)¹. Ở Việt Nam tồn tại nhiều bậc học trong ngành Điều dưỡng như trung cấp (2 năm), cao đẳng (3 năm), đại học (4 năm). Luật Khám bệnh, chữa bệnh và các văn bản dưới luật của Việt Nam quy định tất cả các loại hình nhân lực điều dưỡng từ trung cấp đến sau đại học đều phải có chứng chỉ hành nghề, phải có quá trình thực hành nghề nghiệp điều dưỡng ít nhất là 9 tháng mới được cấp chứng chỉ hành nghề và việc cấp chứng chỉ hành nghề thông qua xét hồ sơ².

Hiện nay, Luật Khám bệnh, chữa bệnh đã có quy định về cấp chứng chỉ hành nghề theo chức danh làm việc nhưng vẫn có những bất cập: chưa quy định việc thi quốc gia để được cấp chứng chỉ hành nghề; chưa quy định về tiêu chuẩn cơ sở thực hành, nội dung thực hành, người hướng dẫn thực hành và cơ chế tài chính trong việc tổ chức thực hành để đăng ký chứng chỉ hành nghề; chưa xác định rõ phạm vi hành nghề.

Để nâng cao năng lực của Điều dưỡng viên mới trước khi được cấp chứng chỉ hành nghề, Bộ Y tế nhận thấy cần thiết phải xây dựng chương trình đào tạo thực hành lâm sàng 09 tháng cho điều dưỡng viên mới. Với sự hỗ trợ của Chính phủ Nhật Bản, Bộ Y tế Việt Nam đã phối hợp với Tổ chức JICA Nhật Bản xây dựng và triển khai thí điểm Chương trình đào tạo nói trên tại 02 bệnh viện ở Hà Nội (*Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện đa khoa Xanh Pôn Hà Nội*) và 04 tỉnh (*Điện Biên, Vĩnh Phúc, Bình Định, Đồng Nai*) làm cơ sở để nhân rộng trên toàn quốc.

1.2. Cơ sở pháp lý

Luật Khám bệnh, chữa bệnh (*Khoản 1 Điều 24*) quy định: Người có văn bằng chuyên môn liên quan đến y tế được cấp hoặc công nhận tại Việt Nam, trước khi được cấp chứng chỉ hành nghề, phải qua thời gian thực hành tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Điểm d Khoản 1 Điều 24 quy định 09 tháng thực hành tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đối với điều dưỡng viên, kỹ thuật viên. Khoản 2 Điều 24 quy định người đứng đầu cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm xác nhận bằng văn bản về quá trình thực hành cho người đã thực hành tại cơ sở của mình, bao gồm nội dung về thời gian, năng lực chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp.

Nghị định số 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Thông tư 07/2011/TT-BYT ngày 26 tháng 01 năm 2011 tại điều 21 đã nêu Bệnh viện xây dựng chương trình đào tạo và tổ chức đào tạo định hướng cho điều dưỡng viên, hộ sinh viên mới được tuyển dụng.

Quyết định số 1352/QĐ-BYT phê duyệt Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam. Bộ Chuẩn năng lực cơ bản của điều dưỡng Việt Nam được Hội Điều dưỡng Việt Nam nghiên cứu

đề xuất, vừa dựa trên cơ sở thực tiễn Việt Nam vừa đáp ứng yêu cầu hội nhập của khu vực và để dễ so sánh với chuẩn năng lực điều dưỡng các nước. Chuẩn năng lực cơ bản của điều dưỡng Việt Nam gồm 25 tiêu chuẩn và 110 tiêu chí.

Thông tư 26/2015/BYT-BNV ngày 07 tháng 10 năm 2015 thông tư liên tịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y.

1.3. Yêu cầu năng lực học viên cần đạt sau đào tạo thực hành lâm sàng

(1) Thực hành kỹ thuật cơ bản chăm sóc người bệnh:

- Khám, nhận định, xác định vấn đề chăm sóc
- Lập, thực hiện kế hoạch chăm sóc và lượng giá
- Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản
- Nhận biết và phát hiện các sớm dấu hiệu nặng của bệnh
- Thực hiện các cấp cứu ngừng tuần hoàn và sơ cứu

(2) Thực hành quy trình quản lý liên quan đến công tác chăm sóc

- Kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin liên quan tới công việc
- Vận hành, bảo quản các thiết bị chuyên môn liên quan tới công việc

(3) Thực hành kiểm soát nhiễm khuẩn và an toàn người bệnh

- Thực hiện được các quy trình phòng ngừa chuẩn
- Khai thác tiền sử dị ứng, nhận biết và xử trí dị ứng thuốc
- Ghi hồ sơ chăm sóc đúng qui định
- Thực hiện các biện pháp ATNB, an toàn nơi làm việc

(4) Thực hành kỹ năng giao tiếp, tư vấn giáo dục sức khỏe và làm việc nhóm

- Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp công sở và người bệnh/người nhà người bệnh
- Giao tiếp được với người bệnh có trở ngại về giao tiếp (*hôn mê, tâm thần, khiếm thính, khiếm thị...*)
- Giao tiếp phù hợp với văn hóa, tín ngưỡng
- Kỹ năng thông tin xấu cho người bệnh/người nhà người bệnh
- Giáo dục sức khỏe và tư vấn cho người bệnh

(5) Hành nghề theo pháp luật và tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp

- Học tập liên tục để cập nhật kiến thức và kỹ năng và tiến bộ nghề nghiệp
- Chuẩn đạo đức nghề nghiệp điều dưỡng viên

2. MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Mục tiêu chung

Trang bị kiến thức, kỹ năng, thái độ cho điều dưỡng viên mới, giúp họ trở thành người điều dưỡng có đủ năng lực tự chủ trong thực hành chăm sóc người bệnh một cách an toàn, hiệu quả tại bệnh viện và cơ sở y tế và có định hướng phát triển nghề nghiệp bản thân.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Kiến thức

- (1) Trình bày được các nội dung cơ bản của quy trình điều dưỡng (*Chuẩn đầu ra 1, 2*).
- (2) Trình bày được các nội dung về quản lý các nguồn lực và ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác chăm sóc người bệnh (*Chuẩn đầu ra 2*).
- (3) Trình bày các nội dung về phòng ngừa chuẩn và đảm bảo an toàn người bệnh (*Chuẩn đầu ra 3*).
- (4) Trình bày được các nguyên tắc về bảo quản và dùng thuốc cho người bệnh (*Chuẩn đầu ra 2,3*).
- (5) Trình bày được các nội dung về giao tiếp, tư vấn, giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà (*Chuẩn đầu ra 4*).
- (6) Trình bày được các quy định về chuẩn đạo đức nghề nghiệp của điều dưỡng và các quy định liên quan đến công tác điều dưỡng (*Chuẩn đầu ra 5*).

2.2.2. Kỹ năng

- (1) Xác định được tình trạng sức khỏe của các bệnh nhân và gia đình (*Chuẩn đầu ra 1*).
- (2) Ra quyết định và lựa chọn được phương pháp chăm sóc phù hợp với nhu cầu của người bệnh và gia đình (*Chuẩn đầu ra 1*).
- (3) Phát hiện sớm ra quyết định xử trí sơ cứu, cấp cứu kịp thời và hiệu quả cho người bệnh (*Chuẩn đầu ra 1*).
- (4) Thực hiện các kỹ thuật cơ bản điều dưỡng an toàn và hiệu quả (*Chuẩn đầu ra 1*).
- (5) Quản lý trang thiết bị y tế chuyên môn an toàn, hiệu quả và ứng dụng được công nghệ thông tin vào công tác chăm sóc người bệnh (*Chuẩn đầu ra 2*).
- (6) Ghi chép và sử dụng hồ sơ bệnh án theo quy định (*Chuẩn đầu ra 1,2*).
- (7) Cải tiến chất lượng chăm sóc người bệnh đảm bảo an toàn và thực hiện công tác kiểm soát nhiễm khuẩn hiệu quả tại các cơ sở y tế (*Chuẩn đầu ra 3*).
- (8) Sử dụng thuốc đảm bảo an toàn và hiệu quả cho người bệnh (*Chuẩn đầu ra 3*).
- (9) Thực hiện kỹ năng giao tiếp công sở, với người bệnh, người nhà, người bệnh có trở ngại giao tiếp và giao tiếp phù hợp với văn hóa, tín ngưỡng (*Chuẩn đầu ra 4*).
- (10) Hành nghề theo chuẩn đạo đức nghề nghiệp và quy định của pháp luật (*Chuẩn đầu ra 5*).
- (11) Duy trì, phát triển được năng lực cho bản thân và nghề nghiệp (*Chuẩn đầu ra 5*).

2.2.3. Thái độ

- (1) Hình thành được tư duy khoa học, sáng tạo và logic trong thực hành chăm sóc người bệnh của điều dưỡng (*Chuẩn đầu ra 1,3*).
- (2) Hình thành được tính cẩn thận, tỉ mỉ và khéo léo trong giao tiếp, tư vấn cho người bệnh (*Chuẩn đầu ra 5*).

3. ĐỐI TƯỢNG ĐÀO TẠO

Điều dưỡng:

- Đã có văn bằng tốt nghiệp trình độ từ trung cấp trở lên.
- Chưa được cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định.
- Tự nguyện tham gia chương trình đào tạo.

4. KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

4.1. Khối lượng kiến thức và thời gian đào tạo

Đơn vị: tuần (40 tiết/tuần)

TT	Khối kiến thức	Số tuần
1	Định hướng	3
2	Lý thuyết bổ trợ	
3	Củng cố kỹ năng thực hành kỹ thuật chăm sóc cơ bản	32
4	Ôn tập, tự học, kiểm tra và đánh giá	3
	Tổng số	38

4.2. Danh mục chương trình đào tạo

Phần 1. Định hướng

TT	Tên bài	Số tiết
1	Quy tắc làm việc của bệnh viện và sơ đồ tổ chức	8
2	Giới thiệu về đào tạo thực hành lâm sàng	4
3	Cơ cấu, hoạt động của bệnh viện, sử dụng phần mềm bệnh viện...	4
	Tổng số	16

Phần 2: Lý thuyết bổ trợ

TT	Tên bài	Số tiết
1	Quy trình điều dưỡng	6
2	Quản lý thuốc và vật tư tiêu hao y tế	2
3	Vai trò của người điều dưỡng trong chăm sóc giảm đau	2
4	Quy định chung về ghi chép và quản lý hồ sơ bệnh án	2
5	Phòng ngừa chuẩn và kiểm soát nhiễm khuẩn	16
6	Phòng ngừa sự cố y khoa	24
7	An toàn trong sử dụng thuốc	8
8	Kỹ năng giao tiếp (giải quyết xung đột)	4

TT	Tên bài	Số tiết
9	Kỹ năng truyền thông tư vấn giáo dục sức khỏe	16
10	Kỹ năng làm việc nhóm	4
11	Các văn bản pháp luật của nhà nước, các ban ngành liên quan đến hành nghề: <ul style="list-style-type: none"> - Quy định về Bảo vệ sức khỏe nhân dân (Luật) - Quy định về Bảo hiểm y tế (Luật) - Quy định về Khám bệnh, chữa bệnh (Luật) - Quy định về Cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề điều dưỡng - Quy định về Mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng - Hướng dẫn đào tạo liên tục cho cán bộ y tế - Hướng dẫn công tác điều dưỡng về chăm sóc người bệnh trong bệnh viện. - Hướng dẫn tổ chức thực hiện công tác kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. 	2
12	Phương pháp học lâm sàng	2
13	Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam	4
14	Chuẩn đạo đức của Điều dưỡng Việt Nam	2
	Tổng số	104

Phần 3. củng cố kỹ năng thực hành chăm sóc cơ bản

TT	Bài giảng	Số tiết
1	Quy trình đón tiếp người bệnh	1.280
2	Quy trình điều dưỡng	
3	Dự phòng và chăm sóc loét ép cho người bệnh	
4	Hỗ trợ bài tiết	
5	Hỗ trợ vệ sinh cho người bệnh (tắm, gội, vệ sinh răng miệng, thay ga quần áo)	
6	Kỹ thuật cho người bệnh ăn qua ống thông	
7	Kỹ thuật dùng thuốc và quản lý dùng thuốc cho người bệnh	
8	Kỹ thuật hỗ trợ hô hấp và quản lý đường thở	
9	Kỹ thuật chăm sóc vết thương và ống dẫn lưu	
10	Kỹ thuật truyền máu	
11	Theo dõi lượng dịch vào ra	
12	Kỹ thuật thông tiểu, dẫn lưu nước tiểu	
13	Lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm (máu, đờm, phân, nước tiểu)	

TT	Bài giảng	Số tiết
14	Kỹ thuật thụt tháo	
15	Lấy dấu hiệu sinh tồn	
16	Hỗ trợ người bệnh di chuyển	
17	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp (BLS: Basic life support)	
18	Ghi chép bệnh án và biểu mẫu chăm sóc	
19	Sử dụng và quản lý các máy y tế Monitor, máy truyền dịch, máy bơm tiêm điện, máy điện tim	
20	Thực hành các biện pháp phòng ngừa chuẩn	
21	Thực hành phân loại chất thải y tế và xử lý dụng cụ	
22	Đánh giá người bệnh hôn mê dựa vào thang điểm Glasgow	
23	Phòng và xử trí sốc phản vệ	
24	Thực hành về kỹ năng giao tiếp (giải quyết xung đột) (thực hiện tiền lâm sàng)	
25	Thực hành kỹ năng truyền thông, tư vấn giáo dục sức khỏe	
26	Thực hành kỹ năng làm việc nhóm	
	Tổng số	1.280

Phần 4. Ôn tập, tự học, kiểm tra và đánh giá

TT	Tên bài	Số tiết
1	Ôn tập	40
2	Tư vấn giáo dục sức khỏe, lập kế hoạch quy trình chăm sóc, viết báo cáo	40
3	Kiểm tra và đánh giá	32
4	Lễ bế giảng	8
	Tổng số	120

5. HƯỚNG DẪN TỔ CHỨC THỰC HIỆN

5.1. Điều kiện để thực hiện chương trình

Tổ chức: Trường hợp trong cùng một thời điểm, bệnh viện có nhiều học viên thì phải chia học viên ra các lớp sao cho số lượng học viên không quá 30 học viên. Phòng điều dưỡng/phòng đào tạo và chỉ đạo tuyến theo phân công của Giám đốc bệnh viện cần tham gia quản lý học viên.

Cơ sở vật chất, trang thiết bị: có phòng học, thiết bị âm thanh, ánh sáng, và các vật liệu như: máy tính, máy chiếu, y dụng cụ, vật tư tiêu hao thực hành các kỹ thuật

Giáo viên/Người hướng dẫn thực hành lâm sàng:

Có Giáo viên/Người hướng dẫn thực hành lâm sàng đảm bảo các điều kiện sau:

- Có chứng chỉ hành nghề;
- Có phạm vi hoạt động chuyên môn phù hợp với văn bằng của người thực hành;
- Có trình độ đào tạo tương đương hoặc cao hơn người thực hành;
- Có thời gian kinh nghiệm lâm sàng liên tục trong phạm vi chuyên môn từ 3 năm trở lên;
- Được đào tạo phương pháp giảng dạy lâm sàng hoặc hoàn thành khóa “*Đào tạo giáo viên/người hướng dẫn thực hành lâm sàng cho điều dưỡng viên mới*”.

5.2. Về phương pháp đào tạo

- Lấy người học là trung tâm, coi trọng việc tự học và thực hành của học viên.
- Áp dụng các phương pháp giảng dạy tích cực như: thảo luận nhóm, dạy học dựa trên vấn đề, dạy học dựa trên năng lực, cầm tay chỉ việc, giao ban.
- Ứng dụng các phương tiện nghe nhìn, phương tiện dạy học tích cực.

5.3. Đánh giá và cấp giấy xác nhận quá trình thực hành

Phương pháp đánh giá trong khóa học

- Điều kiện được tham gia đánh giá: tham gia từ 80% số tiết học trở lên.
- Đánh giá năng lực: đánh giá mức độ đạt dựa theo chuẩn năng lực.
- Hoàn thành bài tập: quy trình điều dưỡng và kết quả thực hiện tư vấn giáo dục sức khỏe theo mẫu.
- Lý thuyết: câu hỏi trắc nghiệm khách quan, nội dung đánh giá sao cho xác định được năng lực học viên theo chuẩn đầu ra.

Giấy xác nhận quá trình thực hành

Học viên sau khi tham gia khóa học, được bệnh viện đánh giá hoàn thành chương trình đào tạo, sẽ được cấp Giấy xác nhận quá trình thực hành theo quy định.

6. KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO (MẪU ĐỀ XUẤT)

Mẫu kế hoạch đào tạo lâm sàng (Mẫu đề xuất 1)

Chương trình	Giai đoạn thực hiện			Giai đoạn cuối
	Giai đoạn đầu	Giai đoạn giữa	Giai đoạn cuối	
Giai đoạn	Xác nhận và học những kỹ thuật chăm sóc cơ bản đã học tại trường đào tạo điều dưỡng cùng với người hướng dẫn	Từng chút một mở rộng phạm vi chăm sóc. Thử những kỹ thuật chăm sóc khó hơn ở những loại bệnh khó hơn, đảm bảo an toàn	Vấn dụng năng lực thực hành đã học được từ trước tới nay, thực hiện chăm sóc, dự báo sự thay đổi tình trạng của người bệnh và cuộc sống sau khi ra viện	
Định hướng	Khái quát bệnh viện Khái quát chương trình đào tạo			
Lý thuyết bổ trợ	Luật, ghi chép, giao tiếp	Quy trình chăm sóc An toàn người bệnh Nhiệm vụ nhân viên	Tư vấn giáo dục sức khỏe An toàn người bệnh	
Thực hành kỹ thuật chăm sóc cơ bản (Tại một khoa hoặc đi luân khoa)	Học từ những kỹ thuật có thể làm được		*Thực hành kỹ năng tư vấn giáo dục sức khỏe (Tư vấn người bệnh ra viện)	
Ôn tập				
Tư vấn giáo dục sức khỏe, quy trình chăm sóc, chuẩn bị, viết báo cáo		Chuẩn bị nghiên cứu ca bệnh	Chuẩn bị, thực hiện tư vấn giáo dục sức khỏe	Tư vấn giáo dục sức khỏe Ghi chép báo cáo
Mức độ đạt năng lực	Đánh giá trước khi thực hiện			Đánh giá sau 9 tháng (Đánh giá cuối kỳ)
Kỹ năng chăm sóc cơ bản	Đánh giá sau 3 tháng			
Đánh giá	Người hướng dẫn đánh giá phù hợp những kỹ thuật chăm sóc đã học được			
Nghiên cứu ca bệnh				
Tư vấn giáo dục sức khỏe				

Mẫu thực hiện kế hoạch đào tạo lâm sàng (Mẫu đề xuất 1)

Nội dung học tập

Chương trình	Mục đích và nội dung học tập	Hướng dẫn, hỗ trợ
<p>Định hướng</p>	<p>Tìm hiểu thông tin chung bệnh viện, học quy định bệnh viện, nội dung đào tạo và kế hoạch đào tạo trên nguyên tắc đảm bảo an toàn người bệnh, với tư cách điều dưỡng viên mới cũng là một thành viên của nhóm.</p> <p>1) Khái quát bệnh viện</p> <p>Vai trò, chức năng, cơ cấu tổ chức, các khoa phòng, các chức danh nghề nghiệp, khái quát về phòng điều dưỡng (Triết lý, cơ cấu tổ chức, hệ thống đào tạo...)</p> <p>2) Khái quát về chương trình đào tạo lâm sàng</p> <p>Mục đích, nội dung đào tạo, người hướng dẫn thực hành lâm sàng, kế hoạch đào tạo 9 tháng, phương pháp đánh giá, cách sử dụng Sổ tay thực hành lâm sàng, những nội dung mong muốn ở học viên</p> <p>3) Ứng dụng trong bệnh viện, sử dụng phần mềm bệnh viện...</p> <p>Thời gian làm việc, quản lý vật tư, thiết bị, cách ghi hồ sơ bệnh án, phương pháp sử dụng phần mềm bệnh viện, cách giải quyết khi phát sinh sự cố y khoa, phân loại rác...</p>	<p>Tổ chức đào tạo tập trung</p> <p>Không chỉ có phòng Điều dưỡng, nếu cần có thể mời lãnh đạo bệnh viện, các bác sỹ, nhân viên các phòng ban phù hợp với nội dung như phòng Tổ chức Cán bộ, phòng Kế hoạch Tổng hợp, phối hợp toàn bệnh viện để thực hiện chương trình.</p>
<p>Lý thuyết bổ trợ</p>	<p>Tăng cường thêm kiến thức và kỹ thuật đã học trong trường, học lý thuyết để nâng cao năng lực cần thiết trong lâm sàng.</p>	<p>- Kết hợp hình thức đào tạo trên lâm sàng (OJT) và đào tạo tập trung (Off-JT)</p> <p>Dựa trên đặc điểm của đào tạo trong công việc hàng ngày OJT (On The Job Training) và đào tạo tại một địa điểm khác không trên lâm sàng Off-JT (Off The Job Training), kết hợp phù hợp hai hình thức này trong đào tạo, lập kế hoạch giảng bài cho lý thuyết bổ trợ vào thời điểm thích hợp trong suốt quá trình đào tạo 9 tháng. Một nội dung có thể đào tạo nhiều lần.</p> <p>Ví dụ: An toàn người bệnh</p> <p>Tuần thứ 2: Nội dung cơ bản về an toàn người bệnh, sai sót mà điều dưỡng viên mới hay mắc phải, cách giải quyết khi phát sinh sự cố y khoa</p> <p>Tuần thứ 15: Làm việc nhóm để đảm bảo an toàn người bệnh</p> <p>Tuần thứ 16: Quan điểm về phòng tránh sự cố y khoa</p>

Chương trình		Mục đích và nội dung học tập	Hướng dẫn, hỗ trợ
Củng cố kỹ năng thực hành chăm sóc cơ bản		Học kỹ thuật chăm sóc cơ bản với mục đích nâng cao năng lực thực hành chăm sóc. Thực hành tiền lâm sàng nếu cần thiết.	- Quan niệm về độ khó dễ Hỗ trợ trong đào tạo hàng ngày để học viên có thể tiếp thu học hỏi được kiến thức và kỹ thuật theo từng giai đoạn, trên nguyên tắc học từ kỹ thuật cơ bản tới kỹ thuật phức tạp (khó). Ví dụ: giao tiếp Tuần 1: Giao tiếp với người bệnh không có tổn thương về ngôn ngữ và thính giác Tuần 2: Giao tiếp với người cao tuổi nghe khó Tuần 12: Giao tiếp phi ngôn ngữ với người bệnh có tổn thương về ngôn ngữ
Ôn tập	Ôn tập trước kỹ thuật chăm sóc cơ bản, tư vấn giáo dục sức khỏe, và một số nội dung đào tạo khác, để có thể cung cấp dịch vụ chăm sóc an toàn bằng phương pháp thích hợp cho người bệnh. Với những kỹ thuật thực hiện trực tiếp trên người bệnh, đặc biệt là những kỹ thuật xâm lấn, nên ôn tập thêm ngoài thực hành. Ngoài ra, đối với nội dung tư vấn giáo dục sức khỏe, nên ôn tập trước khi thực hiện tư vấn cho người bệnh.		Người hướng dẫn có thể giới thiệu những tài liệu, chia sẻ kinh nghiệm và tư vấn phương pháp học tập để học viên hiểu rằng với một nghề chuyên môn như nghề điều dưỡng sẽ cần học hỏi suốt đời.
Tư vấn, giáo dục sức khỏe, lập kế hoạch quy trình chăm sóc, viết báo cáo	Quy trình chăm sóc (nghiên cứu ca bệnh), tư vấn giáo dục sức khỏe và một số nội dung đào tạo khác cần được học và chuẩn bị trước, sau đó thực hiện lại nhiều lần. Có thể có được năng lực học hỏi đối với một nghề chuyên môn.		
Đánh giá và kiểm tra	Đánh giá mức độ đạt theo năng lực	Với những nội dung “Mức độ đạt theo Chuẩn năng lực”, tiến hành đánh giá trước khi bắt đầu đào tạo, sau 3 tháng, sau 6 tháng và sau 9 tháng (khi kết thúc).	Người hướng dẫn dựa vào kết quả đánh giá, điều chỉnh và hỗ trợ để học viên có thể đạt được mục tiêu cần đạt theo từng giai đoạn phù hợp với năng lực của học viên.
	Kỹ thuật cơ bản của điều dưỡng	Kỹ thuật chăm sóc cơ bản thuộc Chương trình đào tạo, được đánh giá tại thời điểm thích hợp sau khi đã học được, sao cho trong thời gian 9 tháng học viên có thể thực hiện được. Tiến hành đánh giá trước khi bắt đầu đào tạo, sau 3 tháng, sau 6 tháng và sau 9 tháng (khi kết thúc).	Người hướng dẫn dựa vào kết quả đánh giá, điều chỉnh kế hoạch và hỗ trợ để học viên có thể học được những kỹ thuật theo từng giai đoạn phù hợp với mục tiêu cần đạt và năng lực của học viên.
Tư vấn giáo dục sức khỏe	Mục tiêu đào tạo tư vấn giáo dục sức khỏe đã đạt hay chưa, đánh giá từ khi chuẩn bị cho tới khi thực hiện.		Người hướng dẫn không chỉ đánh giá sau khi kết thúc, mà thực hiện đánh giá ở giai đoạn chuẩn bị, hỗ trợ để có thể thực hiện phù hợp.
Nghiên cứu ca bệnh	Mục tiêu nghiên cứu ca bệnh đã đạt hay chưa, đánh giá toàn bộ quy trình.		Người hướng dẫn không chỉ đánh giá sau khi kết thúc, mà thực hiện đánh giá cả quá trình, hỗ trợ để có thể thực hiện phù hợp.

Mẫu kế hoạch đào tạo lâm sàng (Mẫu đề xuất 2)

Các giai đoạn học tập và tổng thời gian khóa học						
Giai đoạn	Giai đoạn I (4 tuần)	Giai đoạn II (24 tuần, 3 khối, mỗi khối 8 tuần)		Giai đoạn III (8 tuần)	Thi tốt nghiệp (2 tuần)	
Nội dung học tập	Cung cố, cập nhật, bổ sung năng lực	Thực hành lâm sàng IIa (Ngoại trú) - Mỗi tuần 2 buổi học tập trung - Thực hành có sự kèm cặp của điều dưỡng chính thức	Thực hành lâm sàng IIb (Khối Nội) - Mỗi tuần 2 buổi học tập trung - Thực hành có sự kèm cặp của điều dưỡng chính thức	Thực hành lâm sàng IIc (Khối ngoại) - Mỗi tuần 2 buổi học tập trung - Thực hành có sự kèm cặp của điều dưỡng chính thức	Thực hành định hướng phát triển nghề nghiệp tại một khoa do học viên lựa chọn	
	Học viên được rà soát lại bằng tốt nghiệp so với Thông tư liên tịch số 26/2015/TTLT-BYT-BNV để xác định mức độ và phạm vi thực hành theo trình độ đào tạo. Ôn lại KT, kỹ năng, thái độ được học ở trường điều dưỡng Cập nhật văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến thực hành nghề nghiệp Bổ sung: những quy chế, quy định, quy trình, Mô hình tổ chức, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của các khoa phòng, cá nhân và mối quan hệ công tác				Học và thực hành chăm sóc những kỹ thuật mà giai đoạn I, II chưa đạt được	Ôn thi và thi tốt nghiệp
Đánh giá	Hoàn thành giai đoạn I OSPE: xen kẽ trắc nghiệm lý thuyết + Kỹ thuật thực hành	Hoàn thành giai đoạn IIa <i>Bắt thăm BN và áp dụng quy trình điều dưỡng vào chăm sóc I ca bệnh</i>	Hoàn thành giai đoạn IIb <i>Bắt thăm BN và áp dụng quy trình điều dưỡng vào chăm sóc I ca bệnh</i>	Hoàn thành GD III <i>Bắt thăm BN và áp dụng quy trình điều dưỡng vào chăm sóc I ca bệnh</i>	Kết thúc khóa học: OSCE	
Giảng dạy, giám sát TH	GV hướng dẫn thực hành, Có vấn học tập	Giáo viên hướng dẫn thực hành, Điều dưỡng giám sát thực hành, Có vấn học tập,			ĐD giám sát thực hành, Có vấn học tập	GV hướng dẫn T.H

Mẫu thực hiện kế hoạch đào tạo lâm sàng (Mẫu đề xuất 2)

Nội dung học tập

Giai đoạn	Mục đích	Các hoạt động đào tạo, học tập
<p>Giai đoạn 1: Cùng cố, cập nhật, bổ sung kiến thức hiện tại và kỹ năng thực hành cơ bản và VBQPPL, quy định, quy trình làm việc của BV</p>	<p>Trang bị năng lực cho điều dưỡng mới và giúp họ tự tin thực hiện một số nhiệm vụ cơ bản. Bởi tại thời điểm này, họ chỉ có kiến thức cơ bản và chỉ có thể thực hiện một số kỹ năng đã được học tại trường</p>	<p>Khuyến khích học viên học tập và thực hiện những kỹ năng cơ bản dưới sự giám sát và hướng dẫn của giáo viên lâm sàng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các văn bản quy phạm pháp luật, quy trình, nội quy, quy tắc làm việc của BV và sơ đồ TCBV, mối quan hệ công tác trong bệnh viện - Dấu hiệu sinh tồn; cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp - Tiếp nhận bệnh nhân nhập viện và lập hồ sơ nhập viện của NB - Ghi chép hồ sơ chăm sóc - Chăm sóc vết thương - Quản lý thuốc thông thường ở tất cả các khâu - Quản lý truyền dịch trị liệu và cân bằng dịch - Hỗ trợ NB di chuyển, dinh dưỡng và nhu cầu vệ sinh cá nhân - Lập kế hoạch chăm sóc cơ bản bằng sử dụng quy trình điều dưỡng - Quy trình cho người bệnh xuất viện - Làm việc theo nhóm
<p>Giai đoạn 2: Thực hành lâm sàng luận khoa</p>	<p>Giúp điều dưỡng mới học tập những kỹ năng phức tạp hơn giai đoạn 1 từ những điều dưỡng viên của bệnh viện nhằm Tăng cường kiến thức và kỹ năng về thực hành điều dưỡng và kỹ thuật điều dưỡng cơ bản hơn/cập nhật hơn (so với ở trường)</p>	<p>Tạo cơ hội cho điều dưỡng mới được tiếp xúc với các điều dưỡng viên để trao đổi về những tình huống chăm sóc phức tạp như:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quản lý và cân bằng nước, điện giải - Chăm sóc người bệnh có ống dẫn lưu - Truyền tĩnh mạch và sử dụng thuốc bằng đường truyền tĩnh mạch, những lưu ý - Theo dõi mức độ tỉnh táo - Chuẩn bị một kế hoạch phát triển nghề nghiệp cá nhân và văn bản đề xuất khoa/phòng sẽ thực tập giai đoạn III (nếu có mẫu)
<p>Giai đoạn 3: Định hướng phát triển nghề nghiệp</p>	<p>Giúp điều dưỡng mới trưởng thành hơn, họ sẽ biết làm việc theo nhóm hiệu quả và làm thế nào để trở thành một thành viên trong đội chăm sóc tại ở nơi họ thực hành và định hướng sau này sẽ làm việc ở chuyên khoa nào sau tốt nghiệp</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thành nốt những nội dung để hoàn thành chuẩn đầu ra - Tham gia các cuộc đi buồng của bác sĩ và giao ban của khoa - Thảo luận về những trường hợp bệnh nhân cụ thể với các bác sĩ và thành viên của đội/nhóm chăm sóc và học tập từ chính những trường hợp bệnh nhân đó - Thảo luận về việc quản lý thời gian, hạn chế của người bệnh và những lưu ý trong quá trình chăm sóc. - Gặp gỡ điều dưỡng trưởng (khoa, nhóm, tua trực, ca) và những nhân viên liên quan, bao gồm cả nhân viên của những bộ phận hỗ trợ để thực hiện nhiệm vụ hàng ngày - Tự hoàn thiện đề thi tốt nghiệp
<p>Cả ba giai đoạn</p>	<p>Cung cấp những phản hồi về thực hành của điều dưỡng mới về những điểm mạnh và lĩnh vực cần cải thiện</p>	<p>Điều dưỡng trưởng/có vấn/người hướng dẫn thực hành tổ chức 2 cuộc họp mỗi tuần với học viên để thảo luận về những mong đợi, những tiến bộ và đưa ra những thông tin phản hồi về cải thiện trong thực hành của điều dưỡng mới và giảng dạy các chủ đề theo từng giai đoạn và từng chuyên khoa</p>

III. HƯỚNG DẪN ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Sau khi kết thúc vòng học / học phần lâm sàng, học viên phải đạt được các mục tiêu và chỉ tiêu đã quy định của học phần. Mức độ đạt của các nội dung học tập hoặc công việc được phân công được chia làm 3 mức độ: Thông thạo/ thành thạo (*C - Completed*), Cần phát triển (*D - Developed*), Cần giám sát (*S - Supervised*); Phân loại các mức độ học tập giúp cho học viên và người hướng dẫn/phụ trách lượng giá thường xuyên việc học của học viên. Trong quá trình học lâm sàng học viên sẽ tự lượng giá kết hợp với sự lượng giá và phản hồi của Người hướng dẫn/ phụ trách, qua đó học viên sẽ có kế hoạch học tập trong thời gian tiếp theo để đạt mục tiêu của học phần/vòng lâm sàng. Dưới đây là bảng mô tả các tiêu chí cho các mức độ C, D, S:

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

1. Bảng mô tả các tiêu chí cho đánh giá các mức độ học lâm sàng

Học viên tự đánh giá và người hướng dẫn đánh giá học viên theo 3 mức độ:

- Thông thạo/ thành thạo (*C - Completed*)
- Cần phát triển (*D - Developed*)
- Cần giám sát (*S - Supervised*)

2. Bảng theo dõi học tập

2.1. Phần tên kỹ năng: bao gồm bảng kỹ thuật học viên cần đạt được trong toàn bộ đợt học.

2.2. Học viên tự đánh giá và người hướng dẫn đánh giá học viên tại các thời điểm trước, sau 3 tháng, sau 6 tháng và sau 9 tháng thực tập bằng cách ghi một mức (*C hoặc D, hoặc S*) vào các ô đánh giá tương ứng

3. Bảng đánh giá kết quả của học viên qua các giai đoạn 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng.

3.1. Phần tự đánh giá của học viên: học viên tự thống kê các kỹ năng ở mức độ D và S và ghi ý kiến đề nghị theo từng giai đoạn sau 03 tháng, sau 06 tháng; sau 9 tháng học viên sẽ tự đánh giá, ghi ý kiến của mình sau khi kết thúc học lâm sàng 9 tháng.

3.2. Phần đánh giá của người hướng dẫn: người hướng dẫn sẽ thống kê các kỹ năng học viên đạt ở mức độ D và S, ghi nhận xét cho học viên theo từng giai đoạn sau 03 tháng, sau 06 tháng; sau 09 tháng người hướng dẫn ghi ý kiến nhận xét sau khi học viên kết thúc học lâm sàng 9 tháng.

(Ghi chú: Bảng đánh giá chỉ hoàn thiện khi có chữ ký xác nhận của cả người hướng dẫn và học viên).

BẢNG MÔ TẢ CÁC TIÊU CHÍ CHO ĐÁNH GIÁ CÁC MỨC ĐỘ HỌC LÂM SÀNG

(Tham khảo tiêu chí đánh giá học lâm sàng của TS Yvonne Osborne,
Đại học Công nghệ Queensland - QUT)

C - Thông thạo/ thành thạo (≥ 7 điểm)	D - Cần phát triển (5 => < 7 điểm)	S - Cần giám sát (< 5 điểm)
<p>- Hoàn thành nội dung học tập /công việc được giao một cách hiệu quả đảm bảo an toàn và không cần gợi ý. Người đánh giá cho biết rằng người học có thể hoàn thành nội dung học tập /công việc không cần giám sát, nên rèn luyện thêm để đạt kết quả tốt hơn.</p>	<p>- Có thể hoàn thành nội dung học tập /công việc được giao. Tuy nhiên cần sự chỉ bảo, nhắc nhở; hoặc quá thời gian; hoặc không thể giải thích rõ lý do thực hiện các hoạt động chăm sóc. Người đánh giá cho biết người học nên được rèn luyện/ học tập thêm và thực hiện nội dung học tập/công việc dưới sự giám sát gián tiếp của người hướng dẫn/phụ trách lâm sàng</p>	<p>Không thể hoàn thành nội dung học tập/công việc được giao khi không có hỗ trợ/can thiệp của người hướng dẫn lâm sàng. Không hiểu lý do thực hiện các hoạt động chăm sóc. Người đánh giá cho biết người học cần phải rèn luyện thêm và thực hiện nội dung học tập/công việc dưới sự giám sát trực tiếp của người hướng dẫn/phụ trách lâm sàng.</p>

BẢNG THEO DÕI HỌC TẬP

Sau mỗi lần đánh giá, người đánh giá (học viên và người hướng dẫn) sẽ ghi vào ô tương ứng một mức độ (C, hoặc D, hoặc S) cho mỗi nội dung chăm sóc tương ứng

TT	Nội dung chăm sóc (tên các nội dung học sẽ hoàn chỉnh sau khi thống nhất chương trình)	Đánh giá trước học		Đánh giá sau khi học 3 tháng		Đánh giá sau khi học 6 tháng		Đánh giá sau khi học 9 tháng	
		Học viên tự đ.giá	Người hướng dẫn đ.giá	Học viên tự đ.giá	Người hướng dẫn đ.giá	Học viên tự đ.giá	Người hướng dẫn đ.giá	Học viên tự đ.giá	Người hướng dẫn đ.giá
Lý thuyết bổ trợ									
1	Quy trình điều dưỡng								
2	Quản lý thuốc và vật tư tiêu hao y tế								
3	Vai trò của người điều dưỡng trong chăm sóc giảm đau								
4	Quy định chung về ghi chép và quản lý hồ sơ bệnh án								
5	Phòng ngừa chuẩn và kiểm soát nhiễm khuẩn								
6	Phòng ngừa sự cố y khoa								
7	An toàn trong sử dụng thuốc								
8	Kỹ năng giao tiếp (giải quyết xung đột)								
9	Kỹ năng truyền thông tư vấn giáo dục sức khỏe								
10	Kỹ năng làm việc nhóm								
11	Các văn bản pháp luật của nhà nước, các ban ngành liên quan đến hành nghề								

TT	Nội dung chăm sóc (tên các nội dung học sẽ hoàn chỉnh sau khi thống nhất chương trình)	Đánh giá trước học		Đánh giá sau khi học 3 tháng		Đánh giá sau khi học 6 tháng		Đánh giá sau khi học 9 tháng	
		Học viên tự đ.giá	Người hướng dẫn đ.giá	Học viên tự đ.giá	Người hướng dẫn đ.giá	Học viên tự đ.giá	Người hướng dẫn đ.giá	Học viên tự đ.giá	Người hướng dẫn đ.giá
12	Phương pháp học lâm sàng								
13	Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam								
14	Chuẩn đạo đức của Điều dưỡng Việt Nam								
Củng cố kỹ năng thực hành chăm sóc cơ bản									
1	Quy trình đón tiếp người bệnh								
2	Quy trình điều dưỡng								
3	Dự phòng và chăm sóc loét ép cho người bệnh								
4	Hỗ trợ bài tiết								
5	Hỗ trợ vệ sinh cho người bệnh (tắm, gội, vệ sinh răng miệng, thay ga quần áo)								
6	Kỹ thuật cho người bệnh ăn qua ống thông								
7	Kỹ thuật dùng thuốc và quản lý dùng thuốc cho người bệnh								
8	Kỹ thuật hỗ trợ hô hấp và quản lý đường thở								
9	Kỹ thuật chăm sóc vết thương và ống dẫn lưu								

TT	Nội dung chăm sóc (tên các nội dung học sẽ hoàn chỉnh sau khi thống nhất chương trình)	Đánh giá trước học		Đánh giá sau khi học 3 tháng		Đánh giá sau khi học 6 tháng		Đánh giá sau khi học 9 tháng	
		Học viên tự đ.giá	Người hướng dẫn đ.giá	Học viên tự đ.giá	Người hướng dẫn đ.giá	Học viên tự đ.giá	Người hướng dẫn đ.giá	Học viên tự đ.giá	Người hướng dẫn đ.giá
10	Kỹ thuật truyền máu								
11	Theo dõi lượng dịch vào ra								
12	Kỹ thuật thông tiểu, dẫn lưu nước tiểu								
13	Lấy bệnh phẩm làm xét nghiệm (máu, đờm, phân, nước tiểu)								
14	Kỹ thuật thắt tháo								
15	Lấy dấu hiệu sinh tồn								
16	Hỗ trợ người bệnh di chuyển								
17	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp (BLS: Basic life support)								
18	Ghi chép bệnh án và biểu mẫu chăm sóc								
19	Sử dụng và quản lý các máy y tế Monitor, máy truyền dịch, máy bơm tiêm điện, máy điện tim								
20	Thực hành các biện pháp phòng ngừa chuẩn								
21	Thực hành phân loại chất thải y tế và xử lý dụng cụ								

TT	Nội dung chăm sóc (tên các nội dung học sẽ hoàn chỉnh sau khi thống nhất chương trình)	Đánh giá trước học		Đánh giá sau khi học 3 tháng		Đánh giá sau khi học 6 tháng		Đánh giá sau khi học 9 tháng	
		Học viên tự đ.giá	Người hướng dẫn đ.giá	Học viên tự đ.giá	Người hướng dẫn đ.giá	Học viên tự đ.giá	Người hướng dẫn đ.giá	Học viên tự đ.giá	Người hướng dẫn đ.giá
22	Đánh giá người bệnh hôn mê dựa vào thang điểm Glasgow								
23	Phòng và xử trí sốc phản vệ								
24	Thực hành về kỹ năng giao tiếp (giải quyết xung đột) (thực hiện tiền lâm sàng)								
25	Thực hành kỹ năng truyền thông, tư vấn giáo dục sức khỏe								
26	Thực hành kỹ năng làm việc nhóm								

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC LÂM SÀNG SAU KHI HỌC 3 THÁNG

(dựa vào mục tiêu của khóa học lâm sàng 9 tháng để đánh giá)

Thời điểm đánh giá: Ngày.....thángnăm.....

	Kết quả học tập, ý kiến và ký xác nhận
Học viên tự đánh giá	Thống kê các kỹ năng đạt mức D:
	Thống kê các kỹ năng đạt mức S:
	- Ý kiến của HV: (Khó khăn, đề nghị)
	Ký tên:
Người hướng dẫn/ phụ trách đánh giá và nhận xét	Thống kê các kỹ năng học viên đạt mức D:
	Thống kê các kỹ năng học viên đạt mức S:
	- Ý kiến nhận xét:
	Họ tên và chữ ký:

Ghi chú: Các kỹ năng đạt mức C không cần thống kê, vì ở mức C là học viên đã đạt yêu cầu.

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC LÂM SÀNG SAU KHI HỌC 6 THÁNG

(dựa vào mục tiêu của khóa học lâm sàng 9 tháng để đánh giá)

Thời điểm đánh giá: Ngày.....thángnăm.....

Kết quả học tập, ý kiến và ký xác nhận	
Học viên tự đánh giá	Thống kê các kỹ năng đạt mức D:
	Thống kê các kỹ năng đạt mức S:
	- Ý kiến của HV: (<i>Khó khăn, đề nghị</i>)
	Ký tên:
Người hướng dẫn/ phụ trách đánh giá và nhận xét	Thống kê các kỹ năng học viên đạt mức D:
	Thống kê các kỹ năng học viên đạt mức S:
	- Ý kiến nhận xét:
	Họ tên và chữ ký:

Ghi chú: Các kỹ năng đạt mức C không cần thống kê, vì ở mức C là học viên đã đạt yêu cầu.

ĐÁNH GIÁ KẾT THÚC THỜI GIAN HỌC LÂM SÀNG 9 THÁNG

Thời điểm đánh giá: Ngày.....thángnăm.....

Kết quả học tập, ý kiến và ký xác nhận	
Học viên tự đánh giá	Tự đánh giá (<i>học viên ghi rõ kết quả đạt hay không đạt</i>):
	- Ý kiến của HV: Ký tên:
Người hướng dẫn/ phụ trách đánh giá và nhận xét	Người hướng dẫn đánh giá học viên (<i>Người hướng dẫn ghi rõ kết quả đạt hay không đạt</i>):
	- Ý kiến nhận xét: Họ tên và chữ ký:

**IV. BỘ TIÊU CHÍ
ĐÁNH GIÁ KỸ THUẬT CHUẨN
NHẪM ĐO LƯỜNG KỸ NĂNG
LÂM SÀNG, KIẾN THỨC VÀ
NĂNG LỰC CỦA CÁC
ĐIỀU DƯỠNG MỚI**

I		Năng lực thực hành chăm sóc		Mục tiêu đạt được
1	1	Tình trạng sức khỏe của các cá nhân, gia đình và cộng đồng	Xác định nhu cầu về sức khỏe và tình trạng sức khỏe của các cá nhân, gia đình và cộng đồng.	Thu thập thông tin có tính khách quan, chủ quan cần thiết để nắm bắt tình trạng sức khỏe của NB.
	2		Giải thích tình trạng sức khỏe của các cá nhân, gia đình và cộng đồng.	Giải thích căn cứ, mục đích, phương pháp chăm sóc sẽ thực hiện cho cá nhân, gia đình hiệu.
2	3	Ra quyết định phương pháp chăm sóc	Thu thập thông tin và phân tích các vấn đề về sức khỏe, bệnh tật để xác định các vấn đề về sức khỏe và bệnh tật của cá nhân, gia đình và cộng đồng.	Sắp xếp thông tin, phân tích, đưa ra vấn đề và quyết định phương pháp chăm sóc an toàn, hiệu quả, mang tính riêng biệt dựa vào nhận định trên cơ sở tôn trọng văn hóa, tín ngưỡng của người bệnh và gia đình.
	4		Ra các quyết định về chăm sóc cho người bệnh, gia đình và cộng đồng an toàn và hiệu quả.	
	5		Cung cấp dịch vụ chăm sóc phù hợp văn hóa, tín ngưỡng.	
	6		Theo dõi quan sát sự tiến triển của các can thiệp điều dưỡng.	Quan sát, ghi chép phản ứng của người bệnh và gia đình đối với chăm sóc đã thực hiện.
3	7	Phương pháp chăm sóc phù hợp với nhu cầu	Phân tích và xác định được những nhu cầu chăm sóc ưu tiên của cá nhân, gia đình và cộng đồng.	Lựa chọn chăm sóc có tính ưu tiên cho bệnh nhân và gia đình.
	8		Thực hiện các can thiệp chăm sóc đáp ứng nhu cầu chăm sóc ưu tiên của cá nhân, gia đình và cộng đồng.	Thực hiện chăm có tính ưu tiên cho người bệnh và gia đình.
4	9	Lập quy trình, kế hoạch chăm sóc điều dưỡng	Thực hiện nhận định người bệnh toàn diện và có hệ thống.	1. Hiểu về cấu trúc và chức năng cơ thể người 2. Hiểu các đặc trưng của các thời kỳ trưởng thành, phát triển, lão hóa. 3. Hiểu người bệnh từ các khía cạnh thân thể, tâm lý, xã hội, văn hóa.
	10		Tập hợp và ghi đầy đủ thông tin thích hợp vào hồ sơ điều dưỡng.	Ghi chép thông tin đã thu thập
	11		Phân tích và diễn giải các thông tin về người bệnh một cách chính xác, lập kế hoạch chăm sóc.	Bao gồm trong mục 3 (Sắp xếp thông tin, phân tích, đưa ra vấn đề cần giải quyết).

I	Năng lực thực hành chăm sóc		Mục tiêu đạt được
4	12	Lập kế hoạch chăm sóc điều dưỡng dựa trên nhận định người bệnh và có sự thống nhất với đồng nghiệp, người nhà người bệnh về các vấn đề ưu tiên, sự mong muốn và kết quả mong đợi cho người bệnh	Dựa trên nhu cầu của người bệnh, gia đình, phối hợp với thành viên trong nhóm, có thể lập kế hoạch chăm sóc.
	13	Giải thích các can thiệp điều dưỡng cho người bệnh, gia đình người bệnh và thực hiện chăm sóc điều dưỡng, bảo đảm an toàn, thoải mái, hiệu quả cho người bệnh	Thực hiện chăm sóc an toàn, thoải mái dựa theo kế hoạch.
	14	Hướng dẫn người bệnh, gia đình người bệnh các phương pháp tự chăm sóc một cách phù hợp	Giải thích phương pháp cần thiết tự chăm sóc phù hợp người bệnh, gia đình người bệnh.
	15	Đánh giá quá trình chăm sóc và điều chỉnh kế hoạch chăm sóc	<ol style="list-style-type: none"> 1. Quan sát quá trình, đánh giá kết quả chăm sóc đã thực hiện chiếu theo kết quả mong đợi 2. Điều chỉnh kế hoạch dựa trên đánh giá
	16	Thực hiện các công việc cần thiết để hỗ trợ người bệnh xuất viện	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hiểu về bệnh tình và điều trị của người bệnh trải qua quá trình mãn tính. 2. Hiểu về ảnh hưởng tác động điều trị với người trải qua quá trình mãn tính. 3. Hiểu quá trình người bệnh, gia đình tiếp nhận tổn hại sức khỏe, có thể hỗ trợ cần thiết. 4. Hiểu về hỗ trợ để có thể liên tục điều trị cần thiết. 5. Hỗ trợ người bệnh hoàn thiện các thủ tục cần thiết
	17	Tuyên truyền giáo dục sức khỏe	<ol style="list-style-type: none"> 1. Giải thích phương pháp đề phòng (đợt cấp tính tái phát) bộc phát cấp tính . 2. Hỗ trợ để có thể nâng cao chất lượng cuộc sống (QOL)

I	Năng lực thực hành chăm sóc			Mục tiêu đạt được
5	18	Tạo sự an toàn, thoải mái và riêng tư cho người bệnh	Thực hiện các biện pháp an toàn	<ol style="list-style-type: none"> Hiểu về vai trò của điều dưỡng và cách nghĩ cơ bản của an toàn y tế. Hiểu về hệ thống quản lý an toàn y tế trong cơ sở y tế. Hiểu về phương pháp quản lý rủi ro. Hành động theo các văn bản pháp quy liên quan và các hướng dẫn hiện hành. Thực hiện báo cáo nhanh chóng trường hợp sự cố, tai nạn.
	19		Tạo môi trường chăm sóc	Tạo môi trường giường bệnh thoải mái cho người bệnh
	20		Đảm bảo sự riêng tư cá nhân	<ol style="list-style-type: none"> Tuân thủ nghiêm việc giữ bí mật, đảm bảo sự riêng tư của bệnh nhân, gia đình. Hành động theo các hướng dẫn và quy định luật pháp liên quan
6	21	Tiến hành các kỹ thuật chăm sóc	Tuân thủ các bước của quy trình điều dưỡng	Tuân thủ đúng các bước của quy trình điều dưỡng cơ bản trong phạm vi chuyên môn
	22		Thực hiện thành thạo kỹ thuật điều dưỡng trong phạm vi chuyên môn	Bao gồm trong mục 21 (Thực hiện được các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản)
	23	Tiến hành các kỹ thuật chăm sóc	Tuân thủ các quy định về vô khuẩn và kiểm soát nhiễm khuẩn	<ol style="list-style-type: none"> Thực hiện được các biện pháp phòng ngừa chuẩn. Tuân thủ quy trình phòng chống nhiễm khuẩn. Hiểu về hệ thống quản lý nhiễm khuẩn bệnh viện tại cơ sở y tế. Hành động theo quy định liên quan và các hướng dẫn.
7	24	Dùng thuốc đảm bảo an toàn, hiệu quả	Khai thác tiền sử dị ứng thuốc của người bệnh	Thu thập thông tin liên quan đến chống chỉ định dùng thuốc của người bệnh

I	Năng lực thực hành chăm sóc			Mục tiêu đạt được
7	25	Dùng thuốc đảm bảo an toàn, hiệu quả	Tuân thủ quy tắc khi dùng thuốc	<ol style="list-style-type: none"> Hiểu về quản lý an toàn thuốc điều trị. Hiểu về quản lý an toàn các sản phẩm máu. Tuân thủ quy định, quy trình, sử dụng thuốc điều trị, sản phẩm liên quan đến máu.
	26		Hướng dẫn người bệnh dùng thuốc đúng và an toàn	Giải thích được cho người bệnh về phương pháp sử dụng đúng, an toàn thuốc điều trị.
	27		Phát hiện và xử trí ban đầu các dấu hiệu của phản ứng có hại của thuốc	Hiểu về các phản ứng có hại của thuốc và thực hiện được một số bước đơn giản trong quy trình xử trí ban đầu, đồng thời nhanh chóng báo cáo người hướng dẫn hay nhân viên điều dưỡng
	28		Nhận biết sự tương tác giữa thuốc với thuốc và thuốc với thức ăn	Hiểu về tác dụng tương tác của thuốc
	29		Đánh giá hiệu quả của việc dùng thuốc	Biết theo dõi quan sát người bệnh đang được dùng thuốc điều trị.
	30		Ghi chép và công khai việc sử dụng thuốc cho người bệnh	Thực hiện ghi chép và công khai thuốc theo quy định hiện hành (Thông tư 23 của BYT)
8	31	Đảm bảo chăm sóc liên tục	Bàn giao tình trạng của người bệnh với nhóm chăm sóc kế tiếp một cách cụ thể, đầy đủ và chính xác	<ol style="list-style-type: none"> Hiểu tính cần thiết của việc chia sẻ thông tin và tính liên tục của việc chăm sóc. Hiểu những thông tin cần thiết bàn giao cho người ca sau
	32		Phối hợp hiệu quả với người bệnh, gia đình và đồng nghiệp để đảm bảo chăm sóc liên tục cho người bệnh	Phối hợp với bệnh nhân, người nhà, đồng nghiệp trong quá trình chăm sóc.
	33		Thiết lập các biện pháp để thực hiện chăm sóc liên tục cho người bệnh	Bao gồm trong mục 12 (Dựa trên nhu cầu của người bệnh, gia đình, phối hợp với thành viên trong nhóm, có thể lập kế hoạch chăm sóc.)

I		Năng lực thực hành chăm sóc		Mục tiêu đạt được
9	34	Sơ cứu và đáp ứng khi có tình huống cấp cứu	Phát hiện sớm những thay đổi đột ngột về tình trạng sức khỏe người bệnh	1. Biết, phát hiện sớm và xử trí cơ bản về tình trạng bệnh và điều trị của người bệnh có sự thay đổi đột ngột (bệnh tình thay đổi đột ngột, cần sử trí cấp cứu)
	35		Ra quyết định xử trí sơ cứu, cấp cứu kịp thời và phù hợp	Hiểu phương pháp xử lý cấp cứu cơ bản với những thay đổi đột ngột trạng thái.
	36		Phối hợp hiệu quả với các thành viên nhóm chăm sóc trong sơ cứu, cấp cứu	Phối hợp được sự trợ giúp của thành viên nhóm chăm sóc.
	37		Thực hiện sơ cứu, cấp cứu hiệu quả cho người bệnh	Thực hiện được xử lý sơ cứu
10	38	Thiết lập được mối quan hệ tốt với người bệnh, gia đình và đồng nghiệp	Tạo dựng niềm tin đối với người bệnh, người nhà và thành viên trong nhóm chăm sóc	Duy trì mối quan hệ có tính trợ giúp với bệnh nhân, người nhà.
	39		Dành thời gian cần thiết để giao tiếp với người bệnh, người nhà và thành viên trong nhóm chăm sóc	Vận dụng kỹ năng giao tiếp để giao tiếp có tính trợ giúp với bệnh nhân, người nhà và thành viên nhóm chăm sóc
	40		Lắng nghe và đáp ứng thích hợp những băn khoăn, lo lắng của người bệnh và người nhà người bệnh	1. Chân thành trả lời câu hỏi, yêu cầu từ người bệnh, gia đình bệnh nhân. 2. Hiểu nội dung của những văn bản quy phạm pháp luật về vấn đề cung cấp thông tin cho người bệnh và gia đình người bệnh. 3. Cung cấp thông tin cần thiết cho bệnh nhân, người nhà bằng phương pháp thích hợp với bệnh nhân, người nhà
11	41	Giao tiếp hiệu quả với người bệnh và gia đình người bệnh	Nhận biết tâm lý và nhu cầu của người bệnh qua những biểu hiện nét mặt và ngôn ngữ cơ thể của người bệnh	1. Hiểu về giao tiếp phi ngôn ngữ (giao tiếp không lời). 2. Hiểu lẫn nhau với người bệnh, gia đình có trở ngại về giao tiếp do có vấn đề bệnh tật, tâm lý.
	42		Giao tiếp hiệu quả với các cá nhân, gia đình, cộng đồng có các trở ngại về giao tiếp do bệnh tật, do những khó khăn về tâm lý	
	43		Thể hiện lời nói, cử chỉ động viên, khuyến khích người bệnh an tâm điều trị	

I		Năng lực thực hành chăm sóc		Mục tiêu đạt được
	44	Giao tiếp hiệu quả với người bệnh và gia đình người bệnh	Thể hiện sự hiểu biết về văn hóa, tín ngưỡng trong giao tiếp với người bệnh, gia đình và nhóm người	Tôn trọng văn hóa, tín ngưỡng của người bệnh và gia đình.
12	45	Sử dụng hiệu quả các kênh truyền thông và phương tiện nghe nhìn	Sử dụng các phương tiện nghe nhìn sẵn có để truyền thông và hỗ trợ giao tiếp với người bệnh, người nhà và cộng đồng	Hiểu lẫn nhau với người bệnh, gia đình có trở ngại về giao tiếp do có vấn đề bệnh tật, tâm lý.
	46	nghe nhìn trong giao tiếp với người bệnh và gia đình người bệnh	Sử dụng các phương pháp, hình thức giao tiếp hiệu quả và thích hợp với người bệnh, người nhà người bệnh	
13	47	Cung cấp thông tin cho người bệnh, người nhà về tình trạng sức khỏe	Xác định những thông tin cần cung cấp cho người bệnh và gia đình	Hiểu những thông tin phải cung cấp và những thông tin không phải cung cấp cho người bệnh, người nhà.
	48	hiệu quả và phù hợp	Chuẩn bị về tâm lý cho người bệnh và gia đình trước khi cung cấp những thông tin “xấu”	Hiểu tâm trạng của bệnh nhân, người nhà khi nghe thông tin xấu.
14	49	Xác định nhu cầu và tổ chức hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.	Thu thập và phân tích thông tin về nhu cầu hiểu biết của cá nhân, gia đình, và cộng đồng về hướng dẫn, giáo dục sức khỏe	Thu thập, sắp xếp và phân tích thông tin về vấn đề sức khỏe mà cá nhân, gia đình đối mặt. Từ đó đưa ra nội dung ưu tiên giáo dục.
	50		Xác định nhu cầu và những nội dung cần hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng	
	51		Xây dựng kế hoạch giáo dục sức khỏe phù hợp với văn hóa, xã hội và tín ngưỡng của cá nhân, gia đình và cộng đồng	Xây dựng kế hoạch, tài liệu và thực hiện giáo dục sức khỏe phù hợp, hiệu quả trên cơ sở tôn trọng văn hóa, tín ngưỡng của cá nhân, gia đình.
	52		Xây dựng tài liệu giáo dục sức khỏe phù hợp với trình độ của đối tượng	
	53		Thực hiện tư vấn, truyền thông giáo dục sức khỏe phù hợp, hiệu quả	

I	Năng lực thực hành chăm sóc		Mục tiêu đạt được	
	54	Xác định nhu cầu và tổ chức hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.	Đánh giá kết quả giáo dục sức khỏe và điều chỉnh kế hoạch giáo dục sức khỏe dựa trên mục tiêu và kết quả mong chờ	Quan sát, đánh giá quá trình giáo dục sức khỏe, hiểu tính cần thiết phải điều chỉnh kế hoạch giáo dục sức khỏe.
15	55	Hợp tác với các thành viên nhóm chăm sóc	Duy trì tốt mối quan hệ với các thành viên trong nhóm, coi người bệnh như một cộng sự trong nhóm chăm sóc	<ol style="list-style-type: none"> Hiểu chức năng, vai trò của điều dưỡng và ngành nghề khác trong nhóm y tế, y tế, phúc lợi và tính cần thiết của các bên trong việc hỗ trợ NB và gia đình. Nhận thức y tế, điều dưỡng là dịch vụ lấy bệnh nhân là trung tâm, tiếp xúc với người bệnh như một thành viên của nhóm.
	56		Hợp tác tốt với các thành viên trong nhóm chăm sóc để đưa ra các quyết định phù hợp nhằm cải thiện chất lượng chăm sóc	<ol style="list-style-type: none"> Giao tiếp phù hợp, hợp tác với các thành viên trong nhóm, ra quyết định chăm sóc. Thực hiện đánh giá, thảo luận việc chăm sóc. <p>Báo cáo, liên lạc, trao đổi giữa các thành viên trong nhóm.</p>
	57		Hợp tác tốt với các thành viên nhóm chăm sóc trong việc theo dõi, chăm sóc, điều trị người bệnh và thực hiện nhiệm vụ được giao	Cùng với thành viên trong nhóm thực hiện theo dõi, chăm sóc, điều trị người bệnh và thực hiện nhiệm vụ được giao.
	58		Tôn trọng vai trò và quan điểm của đồng nghiệp	<ol style="list-style-type: none"> Hiểu chức năng, vai trò của điều dưỡng và ngành nghề khác trong nhóm y tế, y tế, phúc lợi và tính cần thiết của việc hợp tác giữa các bên liên quan đến hỗ trợ phúc lợi, y tế cho BN và gia đình NB. Nhận thức y tế, điều dưỡng là dịch vụ lấy bệnh nhân là trung tâm, tiếp xúc với người bệnh như một thành viên của nhóm.

I		Năng lực thực hành chăm sóc		Mục tiêu đạt được
15	59	Hợp tác với các thành viên nhóm chăm sóc	Chia sẻ thông tin một cách hiệu quả với các thành viên trong nhóm chăm sóc	<ol style="list-style-type: none"> Giao tiếp phù hợp, hợp tác với các thành viên trong nhóm, ra quyết định chăm sóc. Thực hiện đánh giá, thảo luận việc chăm sóc. Báo cáo, liên lạc, trao đổi giữa các thành viên trong nhóm. Dựa trên nhu cầu của người bệnh, gia đình, phối hợp với thành viên trong nhóm, có thể lập kế hoạch chăm sóc.
	60		Thực hiện vai trò đại diện hoặc biện hộ cho người bệnh để bảo đảm các quyền, lợi ích và vì sự an toàn của người bệnh	Hành động ở vị thế bảo vệ, đảm bảo an toàn, quyền lợi của người bệnh, đối tượng.
II		Năng lực quản lý và phát triển nghề nghiệp		Mục tiêu đạt được
16	61	Quản lý, ghi chép và sử dụng hồ sơ bệnh án theo quy định	Thực hiện các quy chế quản lý, lưu giữ hồ sơ bệnh án theo quy định luật pháp và của Bộ Y tế	Lưu, quản lý hồ sơ bệnh án theo quy định của luật pháp, Bộ Y tế và quy định của bệnh viện hiện tại.
	62		Bảo mật thông tin trong hồ sơ bệnh án và Phiếu chăm sóc của người bệnh.	Sử dụng thông tin được ghi trong hồ sơ bệnh án như thông tin bí mật cá nhân.
	63		Ghi chép hồ sơ điều dưỡng bảo đảm tính khách quan, chính xác, đầy đủ và kịp thời	Hiểu mục đích của hồ sơ điều dưỡng, tính cần thiết của việc đảm bảo tính khách quan, chính xác hồ sơ điều dưỡng, ghi chép kịp thời.
	64		Sử dụng các dữ liệu thu thập được về tình trạng sức khỏe người bệnh làm cơ sở để xây dựng chính sách và tạo thuận lợi cho việc chăm sóc người bệnh.	Bao gồm trong hồ sơ và quá trình chăm sóc
17	65	Quản lý công tác chăm sóc người bệnh	Quản lý công việc, thời gian của cá nhân hiệu quả và khoa học	<p>Lập kế hoạch thời gian biểu cụ thể cho các hoạt động tại khoa phòng nhằm đạt được hiệu quả công việc trong khoảng thời gian.</p> <p>Điều chỉnh sao cho có thể thực hiện được nghiệp vụ đã quyết định trong khoảng thời gian</p>

II		Năng lực quản lý và phát triển nghề nghiệp		Mục tiêu đạt được
17	66	Quản lý công tác chăm sóc người bệnh	Xác định các công việc hoặc nhiệm vụ cần hoàn thành theo thứ tự ưu tiên	Dựa vào mức độ ưu tiên cần thiết của công việc để lựa chọn thứ tự làm việc. Hành động trên cơ sở cân nhắc độ ưu tiên.
	67		Tổ chức, điều phối, phân công và ủy quyền nhiệm vụ cho các thành viên của nhóm chăm sóc một cách khoa học, hợp lý và hiệu quả	1. Hiểu việc ủy thác công việc trong phạm vi pháp luật cho phép cho người khác (trợ giúp chăm sóc) 2. Hiểu việc hỗ trợ người khác từ nhiều khía cạnh về công việc điều dưỡng đã ủy thác. 3. Hiểu việc có trách nhiệm, nghĩa vụ giải thích trong cả trường hợp ủy thác một phần công việc cho người khác.
	68		Thể hiện sự hiểu biết về mối quan hệ giữa quản lý và sử dụng các nguồn lực có hiệu quả để đảm bảo chất lượng chăm sóc và an toàn cho người bệnh	1. Nhận thức phạm vi vai trò của bản thân để đảm bảo chất lượng chăm sóc và đảm bảo an toàn người bệnh 2. Để đảm bảo chất lượng chăm sóc và đảm bảo an toàn người bệnh, trường hợp phán đoán vượt quá năng lực hiện tại của bản thân, yêu cầu người thích hợp tư vấn.
	69		Sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý và chăm sóc người bệnh cũng như cập nhật kiến thức chuyên môn	Đánh giá được hiệu quả của việc áp dụng ICT trong y tế chăm sóc người bệnh và quản lý thông tin người bệnh từ đó nâng cao kiến thức chuyên môn bản thân. Vận dụng ICT phù hợp đồng thời nỗ lực nâng cao kiến thức chuyên môn
18	70	Quản lý, vận hành và sử dụng các trang thiết bị y tế có hiệu quả	Thiết lập các cơ chế quản lý, phát huy tối đa chức năng hoạt động của các phương tiện, trang thiết bị phục vụ cho chăm sóc và điều trị	Sử dụng đúng và hợp lý các phương tiện, trang thiết bị máy móc trong chăm sóc nhằm phát huy tối đa chức năng hoạt động và đem lại hiệu quả cũng như lợi ích kinh tế cho người bệnh. Sử dụng phù hợp trang thiết bị, dụng cụ y tế theo quy định.
	71		Lập và thực hiện kế hoạch bảo trì phương tiện, trang thiết bị do mình phụ trách	Hiểu tính cần thiết của việc quản lý trang thiết bị, dụng cụ y tế theo quy định

II		Năng lực quản lý và phát triển nghề nghiệp		Mục tiêu đạt được
	72	Quản lý, vận hành và sử dụng các trang thiết bị y tế có hiệu quả	Vận hành các trang thiết bị, phương tiện sử dụng trong chăm sóc bảo đảm an toàn, hiệu quả và phòng tránh nhiễm khuẩn liên quan đến chăm sóc y tế	Luôn cân nhắc sử dụng và đảm bảo an toàn cho người bệnh trong quá trình chăm sóc Bao gồm trong mục 70
19	73	Sử dụng nguồn tài chính thích hợp để chăm sóc người bệnh hiệu quả	Nhận biết được hiệu quả kinh tế khi sử dụng các nguồn lực sẵn có tại nơi làm việc để sử dụng thích hợp, hiệu quả	1. Cân nhắc gánh nặng của bệnh nhân, sử dụng hợp lý đồ dùng, thuốc men. 2. Cân nhắc chi phí, hiệu quả, lựa chọn trang thiết bị, đồ dùng, thuốc men thích hợp.
	74		Xây dựng và thực hiện kế hoạch sử dụng các nguồn lực trong chăm sóc người bệnh thuộc phạm vi phân công hiệu quả	1. Cân nhắc gánh nặng của bệnh nhân, sử dụng hợp lý đồ dùng, thuốc men. 2. Cân nhắc chi phí, hiệu quả, lựa chọn trang thiết bị, đồ dùng, thuốc men thích hợp.
20	75	Thiết lập môi trường làm việc an toàn và hiệu quả	Tuân thủ các tiêu chuẩn và quy tắc về an toàn lao động	Tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các tiêu chuẩn và quy tắc về an toàn lao động
	76		Tuân thủ các chính sách, quy trình về phòng ngừa cách ly và kiểm soát nhiễm khuẩn	Tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các chính sách, quy trình về phòng ngừa nhiễm khuẩn và kiểm soát nhiễm khuẩn.
	77		Tuân thủ các quy định về kiểm soát môi trường chăm sóc (tiếng ồn, không khí, nguồn nước...)	Tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các quy định về kiểm soát môi trường chăm sóc (tiếng ồn, không khí, nguồn nước...)
	78		Tuân thủ quy định về quản lý, xử lý chất thải	Tuân thủ và thực hiện nghiêm túc quy định về quản lý, xử lý chất thải.
	79		Tuân thủ các bước về an toàn phòng cháy chữa cháy, động đất hoặc các trường hợp khẩn cấp khác	Hành động theo chỉ dẫn, hiểu biện pháp ứng phó tình hình khẩn cấp như hỏa hoạn, động đất
	80		Thể hiện sự hiểu biết về những khía cạnh có liên quan đến sức khỏe nghề nghiệp và luật pháp về an toàn lao động	Hiểu về luật pháp liên quan công việc của điều dưỡng như luật an toàn lao động, vệ sinh lao động.

II		Năng lực quản lý và phát triển nghề nghiệp	Mục tiêu đạt được	
21	81	Cải tiến chất lượng chăm sóc và quản lý nguy cơ trong môi trường chăm sóc	Nhận thức được sự cần thiết về các hoạt động bảo đảm chất lượng, cải tiến chất lượng thông qua sự nghiên cứu, phản hồi và đánh giá thực hành thường xuyên	Thông qua phản hồi hay đánh giá thực hành, hiểu về sự cần thiết đảm bảo để thực hiện nâng cao chất lượng chăm sóc
	82		Phát hiện, báo cáo và đưa ra các hành động khắc phục phù hợp các nguy cơ trong môi trường chăm sóc người bệnh	Phát hiện, báo cáo được nguy hiểm trong môi trường chăm sóc người bệnh và tìm ra các biện pháp khắc phục.
	83		Nhận phản hồi từ người bệnh, gia đình và các đối tượng liên quan để cải tiến chất lượng các hoạt động chăm sóc	Hiểu tính cần thiết của việc tiếp nhận phản hồi từ người bệnh, gia đình và các đối tượng liên quan để nâng cao chất lượng chăm sóc.
	84		Áp dụng các phương pháp cải tiến chất lượng phù hợp	Thực hiện phương pháp cải tiến chất lượng CSNB an toàn và phù hợp
	85		Tham gia các hoạt động cải tiến chất lượng tại cơ sở	Tham gia các hoạt động cải tiến chất lượng tại cơ sở.
	86		Chia sẻ các thông tin liên quan đến tình trạng người bệnh với các thành viên trong nhóm chăm sóc	Thực hiện trao đổi bàn giao các thông tin liên quan đến tình trạng người bệnh trong CSNB với các đồng nghiệp
	87		Bình phiếu chăm sóc để cải tiến và khắc phục những tồn tại về chuyên môn và thủ tục hành chính	Bao gồm trong mục 15 Đánh giá kết quả chăm sóc đã thực hiện và Điều chỉnh kế hoạch dựa trên đánh giá
	88		Đưa ra những đề xuất phù hợp về các biện pháp chăm sóc và phòng ngừa bệnh	Bao gồm trong quá trình chăm sóc, giáo dục sức khỏe Điều chỉnh kế hoạch dựa trên đánh giá
	89		Sử dụng bằng chứng áp dụng vào thực hành chăm sóc để tăng cường sự an toàn trong chăm sóc người bệnh	Bao gồm trong quá trình chăm sóc, giáo dục sức khỏe Điều chỉnh kế hoạch dựa trên đánh giá

II		Năng lực quản lý và phát triển nghề nghiệp		Mục tiêu đạt được
22	90	Nghiên cứu khoa học và thực hành dựa vào bằng chứng	Xác định và lựa chọn các lĩnh vực và vấn đề nghiên cứu phù hợp, cần thiết và khả thi	Hiểu tính quan trọng của việc vận dụng kết quả nghiên cứu trong thực hành chăm sóc
	91		Áp dụng các phương pháp phù hợp để tiến hành nghiên cứu những vấn đề đã lựa chọn	
	92		Sử dụng phương pháp thống kê thích hợp để phân tích và diễn giải dữ liệu thu thập được	Hiểu tính quan trọng của việc vận dụng kết quả nghiên cứu trong thực hành chăm sóc
	93		Đề xuất các giải pháp thích hợp dựa trên kết quả nghiên cứu	
	94		Trình bày, chia sẻ kết quả nghiên cứu với đồng nghiệp, người bệnh và những người có liên quan	
	95		Ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào thực hành điều dưỡng. Sử dụng các bằng chứng từ nghiên cứu khoa học để nâng cao chất lượng thực hành chăm sóc điều dưỡng	
23	96	Duy trì và phát triển năng lực cho bản thân và đồng nghiệp	Xác định rõ mục tiêu, nguyện vọng phát triển nghề nghiệp, nhu cầu học tập, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tìm những đề tài học tập của bản thân dựa trên việc tự đánh giá và đánh giá của người khác. 2. Hướng tới giải quyết đề tài, thu thập thông tin cần thiết, hành động để giải quyết. 3. Vận dụng kết quả học tập vào thực hành chăm sóc của bản thân. 4. Hiểu tính quan trọng của việc nỗ lực giải quyết thách thức của bản thân trong thực hành chăm sóc. Luôn tự học tự nâng cao trình độ cập nhật sự phát triển của xã hội
	97		Học tập liên tục để cập nhật kiến thức, kỹ năng và ứng dụng kiến thức đã học để nâng cao chất lượng thực hành chăm sóc điều dưỡng	Hiểu tính quan trọng việc liên tục nâng cao kiến thức, kỹ năng, hướng tới nâng cao chất lượng chăm sóc, phát triển chuyên môn với tư cách là điều dưỡng.

II		Năng lực quản lý và phát triển nghề nghiệp		Mục tiêu đạt được
23	98	Duy trì và phát triển năng lực cho bản thân và đồng nghiệp	Tham gia vào các hoạt động của tổ chức nghề nghiệp	Tham gia hoạt động của cơ quan chuyên môn
	99		Quảng bá hình ảnh của người điều dưỡng, thể hiện tác phong và tư cách tốt, trang phục phù hợp, lời nói thuyết phục và cách cư xử đúng mực	Luôn hành động xứng đáng là nghề điều dưỡng, tác phong và tư cách tốt, nỗ lực quảng bá hình ảnh của người điều dưỡng.
	100		Thể hiện thái độ tích cực với những đổi mới và những quan điểm trái chiều, thể hiện sự lắng nghe các kiến nghị và đề xuất, thử nghiệm những phương pháp mới và thích nghi với những thay đổi	Hiểu tính cần thiết của việc tôn trọng ý kiến, lập trường của đối thủ, đảm bảo thái độ linh hoạt có thể đối phó với sự thay đổi.
	101		Thực hiện chăm sóc theo các tiêu chuẩn thực hành điều dưỡng	Thực hiện chăm sóc dựa theo tiêu chuẩn thực hành điều dưỡng
	102		Đóng góp vào việc đào tạo nâng cao trình độ và phát triển nghề nghiệp cho đồng nghiệp	Hiểu tính cần thiết việc đóng góp nâng cao tính chuyên môn và đào tạo.
	103		Đóng góp vào việc nâng cao vai trò, vị thế của người điều dưỡng, ngành điều dưỡng trong ngành y tế và trong xã hội	Hiểu tính cần thiết của việc đóng góp vào việc nâng cao vai trò, vị thế của người điều dưỡng trong ngành y tế và xã hội.
III		Năng lực hành nghề theo pháp luật và đạo đức nghề nghiệp		Mục tiêu đạt được
24	104	Hành nghề theo quy định của pháp luật	Hành nghề theo quy định của pháp luật liên quan đến y tế, quy định của Bộ Y tế và thực hành điều dưỡng	Thực hành chăm sóc theo quy định của Bộ Y tế liên quan luật pháp, quy định, thực hành chăm sóc về y tế và điều dưỡng.
	105		Tuân thủ các quy định của cơ sở nơi làm việc.	Tuân thủ quy định của nơi làm việc
	106		Thực hiện tốt quy tắc ứng xử của đơn vị/tổ chức và luật định.	Tuân thủ các quy tắc ứng xử của tổ chức, đơn vị y tế và các quy định pháp luật
	107		Ghi chép và bảo quản hồ sơ chăm sóc và tài liệu liên quan đến người bệnh, các vấn đề sức khỏe của người bệnh phù hợp với các tiêu chuẩn thực hành chăm sóc	Bao gồm trong mục 61: Lưu, quản lý hồ sơ bệnh án theo qui định của luật pháp, Bộ y tế và qui định của bệnh viện

III		Năng lực hành nghề theo pháp luật và đạo đức nghề nghiệp		Mục tiêu đạt được
25	108	Hành nghề theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp	Chịu trách nhiệm cá nhân khi đưa ra các quyết định và can thiệp chăm sóc.	Hiểu việc tự có trách nhiệm khi quyết định và thực hành chăm sóc.
	109		Tuân thủ Tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của quốc gia và quốc tế trong thực hành điều dưỡng.	<ol style="list-style-type: none"> Tuân thủ tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của quốc gia và quốc tế trong thực hành điều dưỡng. Hành động theo quy tắc ứng xử và quy định đạo đức của tổ chức
	110		Báo cáo các hành vi vi phạm với cơ quan có thẩm quyền và chịu trách nhiệm cá nhân với báo cáo đó.	Báo cáo hành vi vi phạm với cơ quan có thẩm quyền và chịu trách nhiệm với báo cáo đó.

Tài liệu dẫn chứng

1. TS. Ngô Huy Hoàng (2017), Báo cáo tham luận “Đổi mới đào tạo Điều dưỡng” tại Hội thảo “Đổi mới đào tạo Điều dưỡng trong giai đoạn hiện nay” do Bộ Y tế tổ chức ngày 09/6/2017.
2. Luật số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009 Luật khám bệnh, chữa bệnh và Nghị định 109/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định cấp chứng chỉ hành nghề đối với người hành nghề và cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.
3. Hướng dẫn đào tạo nhân viên điều dưỡng mới, Bộ Y tế Lao động và Phúc lợi Xã hội Nhật Bản, 2014

PHỤ LỤC

1. Các loại biểu mẫu

1.1. MẪU GHI BÀI TẬP TÌNH HUỐNG (CA BỆNH TRONG LÂM SÀNG)

MẪU GHI BÀI TẬP TÌNH HUỐNG (CA BỆNH TRONG LÂM SÀNG)

Họ và tên học viên:

Lớp: Môn học:

1. Thông tin hành chính

Họ tên bệnh nhân: Tuổi: Giới tính: Nam/Nữ

Dân tộc:

Địa chỉ:

Nghề nghiệp:

Người chăm sóc/liên hệ khi cần:

Ngày vào viện:

Khoa:

2. Thông tin Y tế

Lý do vào viện:

Chẩn đoán y khoa:

Phương pháp điều trị:

Thuốc được chỉ định:

Nhận định

Bệnh sử (tóm tắt):

.....

.....

.....

Tiền sử:

.....

Thông tin chủ quan (hỏi bệnh)

.....

.....

.....

.....

Thông tin khách quan: (khám lâm sàng, kết quả xét nghiệm liên quan)

.....

.....

.....

.....

3. Kế hoạch chăm sóc

Vấn đề chăm sóc/ Chẩn đoán CS	Lập kế hoạch chăm sóc (kế hoạch, kết quả mong đợi)	Thực hiện chăm sóc	Đánh giá chăm sóc/ kết quả

Ngày.....tháng.....năm.....

1.2. MẪU GHI TƯ VẤN, GIÁO DỤC SỨC KHỎE NGƯỜI BỆNH RA VIỆN

MẪU GHI TƯ VẤN, GIÁO DỤC SỨC KHỎE NGƯỜI BỆNH RA VIỆN

1. Thông tin cơ bản về người bệnh:

Họ tên người bệnh: Tuổi

Giới tính:

Khoa:

Địa chỉ:

Nghề nghiệp:

Ngày vào viện:

2. Thông tin y tế:

Lý do vào viện:

Chẩn đoán y khoa:

Tiền sử bệnh lý:

3. Nhận định:

Nội dung
Các yếu tố văn hóa, tâm linh hoặc tôn giáo của Người bệnh:
Khả năng đọc, hiểu của Người bệnh /Thân nhân:
Sự hiểu biết hoặc kỹ năng của Người bệnh /Thân nhân về vấn đề sức khỏe hiện tại:
Những thói quen hiện tại: có lợi và có hại:

Nội dung
Những khó khăn của Người bệnh /Thân nhân: vấn đề về thể chất, nhận thức:
Ngôn ngữ và phương thức giao tiếp với Người bệnh /Thân nhân:

4. Nội dung tư vấn:

Vấn đề tư vấn	Kế hoạch tư vấn (Những giải pháp)	Mục tiêu mong đợi	Thực hiện	Đánh giá

Ngày.....tháng.....năm.....

Ý kiến của học viên:

Nội dung đã làm được:

.....
.....

Nội dung chưa làm được:

.....
.....

Nội dung cần hỗ trợ:

.....
.....

Nhận xét/phản hồi và xác nhận của người hướng dẫn:

.....
.....
.....

**HƯỚNG DẪN GHI MẪU GHI TƯ VẤN, GIÁO DỤC SỨC KHỎE
NGƯỜI BỆNH RA VIỆN (HỌC VIÊN TỰ GHI)**

1. Thông tin cơ bản, thông tin y tế: Ghi theo bệnh án
2. Phân nhận định: Dựa vào nội dung học viên hỏi trực tiếp người bệnh/thân nhân để thu thập thông tin, ghi đầy đủ, ngắn gọn những thông tin vừa thu thập được.
3. Nội dung tư vấn:
 - 3.1. Vấn đề tư vấn: Tùy từng người bệnh để đưa ra vấn đề ưu tiên và nội dung tư vấn phù hợp như: Chế độ dinh dưỡng, Chế độ dùng thuốc, Chế độ luyện tập, Chế độ vệ sinh cá nhân.....
 - 3.2. Kế hoạch tư vấn: Dựa vào nội dung tư vấn để đưa ra kế hoạch phù hợp.
 - 3.3. Mục tiêu mong đợi: Từ kế hoạch đưa ra mục tiêu mong đợi.
 - 3.4. Thực hiện: Từ kế hoạch tư vấn và mục tiêu mong đợi ghi cụ thể nội dung để hướng dẫn người bệnh/thân nhân thực hiện.
 - 3.5. Đánh giá: Độ hiểu biết của người bệnh/thân nhân thông qua nội dung đã hướng dẫn trong cột thực hiện.

2. Tài liệu dẫn chứng

2.1. CHUẨN NĂNG LỰC CƠ BẢN CỦA ĐIỀU DƯỠNG VIỆT NAM

MỤC LỤC

Phần Một. Giới thiệu chung	71
1. Mở đầu	71
1.1. Bối cảnh chung về điều dưỡng.....	71
1.1.1. Bối cảnh quốc tế về điều dưỡng.....	71
1.1.2. Chuyên ngành Điều dưỡng trong bối cảnh chung của hệ thống y tế.....	72
2. Sự cần thiết	73
2.1. Đối với cơ sở đào tạo.....	73
2.2. Đối với cơ sở sử dụng nhân lực điều dưỡng.....	73
2.3. Đối với các cơ quan quản lý điều dưỡng.....	73
3. Cơ sở xây dựng chuẩn năng lực của bản điều dưỡng	73
4. Quá trình xây dựng	74
4.1. Quá trình chuẩn bị của Hội Điều dưỡng Việt Nam	74
4.2. Quá trình phê duyệt của Bộ Y tế.....	74
5. Tóm tắt nội dung tài liệu	75
Phần Hai. Chuẩn năng lực cơ bản của điều dưỡng Việt Nam	76
Lĩnh vực 1: Năng lực thực hành chăm sóc.....	76
Lĩnh vực 2: Năng lực quản lý và phát triển nghề nghiệp.....	79
Lĩnh vực 3: Năng lực hành nghề theo pháp luật và đạo đức nghề nghiệp	81

PHẦN MỘT

GIỚI THIỆU CHUNG

1. Mở đầu

Từ năm 1990 đến nay, ngành Điều dưỡng Việt Nam được sự hỗ trợ của chính phủ và Bộ Y tế đã phát triển nhanh chóng trên các lĩnh vực về quản lý, đào tạo, thực hành và nghiên cứu Điều dưỡng. Trong xu hướng hội nhập khu vực và quốc tế, chính phủ đã ký Thỏa thuận khung về thừa nhận lẫn nhau với 10 quốc gia ASEAN về việc công nhận dịch vụ Điều dưỡng trong khu vực. Để tăng cường chất lượng nguồn nhân lực điều dưỡng làm cơ sở cho việc xây dựng chương trình đào tạo và sử dụng nhân lực điều dưỡng có hiệu quả và đáp ứng yêu cầu hội nhập của các nước trong khu vực, Bộ Y tế phối hợp với Hội Điều dưỡng Việt Nam đã xây dựng Bộ Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam với sự hỗ trợ của Hội Điều dưỡng Canada và chuyên gia điều dưỡng của Đại học Kỹ thuật Queensland - Úc. Tài liệu này đã được các chuyên gia điều dưỡng trong nước, các nhà quản lý y tế và giáo dục điều dưỡng tham gia biên soạn trên cơ sở tham khảo Tiêu chuẩn năng lực điều dưỡng của các nước trong khu vực và trên thế giới.

Trên cơ sở kết luận thẩm định của Hội đồng chuyên môn được thành lập theo Quyết định số 3602/QĐ-BYT ngày 04 tháng 10 năm 2011, Bộ Y tế ban hành Bộ Chuẩn năng lực cơ bản của Điều dưỡng Việt Nam để các cơ sở đào tạo, sử dụng điều dưỡng nghiên cứu áp dụng và để thông tin cho các nước trong khu vực và Thế giới về chuẩn năng lực điều dưỡng Việt Nam.

1.1. Bối cảnh chung về điều dưỡng

1.1.1. Bối cảnh quốc tế về điều dưỡng

Chuyên ngành điều dưỡng đã và đang phát triển thành một ngành học đa khoa, có nhiều chuyên khoa sau đại học và song hành phát triển với các chuyên ngành Y, Dược, Y tế Công cộng trong Ngành y tế.

Nghề điều dưỡng đã phát triển thành một ngành dịch vụ công cộng thiết yếu, cần cho mọi người, mọi gia đình. Nhu cầu về dịch vụ chăm sóc có chất lượng ngày càng gia tăng ở mọi quốc gia, đặc biệt là các quốc gia phát triển, do sự gia tăng dân số già làm tăng nhu cầu chăm sóc điều dưỡng tại nhà và tại các cơ sở y tế.

Trình độ điều dưỡng viên xu thế cao đẳng và đại học hóa đang trở thành yêu cầu tối thiểu để được đăng ký hành nghề và được công nhận là điều dưỡng chuyên nghiệp giữa các quốc gia khu vực ASEAN và trên toàn Thế giới.

Thiếu điều dưỡng xuất hiện ở nhiều quốc gia, đặc biệt là tại các nước phát triển. Những nguyên nhân dẫn đến thiếu điều dưỡng bao gồm: dân số già làm gia tăng nhu cầu chăm sóc; điều dưỡng viên bỏ nghề sớm do công việc nặng nhọc, có nhiều áp lực về tâm lý và thời gian làm việc; các nghề khác hấp dẫn điều dưỡng viên chuyển nghề (*thư ký các văn phòng, nhân viên các công ty...*); nhiều điều dưỡng viên chỉ muốn làm việc bán thời gian (*part time*) để có thời gian chăm sóc gia đình và con nhỏ. Nhiều nước như Mỹ, Canada, Anh, Nhật Bản khi mở ra các cơ sở y tế không có điều dưỡng để tuyển, vì vậy các nước này đưa ra chính sách thu hút về lương và gia hạn thị thực để tuyển điều dưỡng viên có trình độ ở các quốc gia đang phát triển.

Di cư điều dưỡng đang diễn ra trên phạm vi toàn cầu. Các dòng di cư điều dưỡng viên từ những nước kém phát triển sang nước đang phát triển và từ nước đang phát triển sang nước phát triển.

Các Thỏa thuận thừa nhận lẫn nhau (*Mutual Recognition Agreement-MRA*) để hỗ trợ cho sự di cư điều dưỡng trên phạm vi khu vực và toàn cầu đã trở thành mối quan tâm của các chính phủ, được đặt ra trong tiến trình hội nhập và đã trở thành cam kết của các chính phủ. Mười quốc gia ở khu vực Đông Nam Á đã ký kết các thỏa thuận khung về công nhận dịch vụ Y, Điều dưỡng và Nha khoa, theo đó tiến tới cho phép công dân của các nước thành viên có chứng chỉ hành nghề hợp pháp được hành nghề Y, Điều dưỡng, Nha khoa ở các nước thành viên, ủy ban Điều phối ASEAN về dịch vụ điều dưỡng đang thảo luận Tiêu chuẩn năng lực cốt lõi của cử nhân điều dưỡng làm cơ sở cho việc công nhận điều dưỡng viên giữa các nước và đang xây dựng Website Điều dưỡng ASEAN để theo dõi sự di chuyển thể nhân người nước ngoài hành nghề Điều dưỡng ở mỗi nước.

Sự phát triển không đồng đều và đa dạng của ngành Điều dưỡng trong tiến trình hội nhập khu vực và quốc tế tất yếu sẽ dẫn đến nhu cầu chuẩn hóa hệ thống đào tạo, chuẩn hóa trình độ điều dưỡng viên để tạo điều kiện cho việc di chuyển thể nhân điều dưỡng và sự công nhận lẫn nhau về trình độ điều dưỡng giữa các nước khu vực ASEAN.

1.1.2. Chuyên ngành Điều dưỡng trong bối cảnh chung của hệ thống y tế

Hiện nay, cả nước có 75891 điều dưỡng, chiếm 45% nhân lực chuyên môn của ngành y tế (*Niên giám thống kê Y tế năm 2009*). Dịch vụ chăm sóc do điều dưỡng cung cấp là một trong những trụ cột của hệ thống dịch vụ y tế, đóng vai trò rất quan trọng trong việc nâng cao chất lượng dịch vụ y tế. Được sự quan tâm của Bộ Y tế, ngành Điều dưỡng đã có sự phát triển nhanh chóng trên các lĩnh vực sau:

Thiết lập hệ thống quản lý điều dưỡng từ Bộ Y tế đến các Sở Y tế và các bệnh viện và hệ thống tổ chức Hội Điều dưỡng ở các cấp đã phối hợp song hành, hỗ trợ lẫn nhau và cùng phát huy hiệu quả. Hệ thống điều dưỡng trưởng đã phát huy được vai trò quản lý chăm sóc và tham gia xây dựng các chính sách liên quan đến công tác điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh. Vị trí và vai trò của điều dưỡng trưởng được khẳng định, điều dưỡng trưởng đã có phụ cấp nghề nghiệp tương đương phó khoa, phó phòng; một số điều dưỡng trưởng đã được bổ nhiệm phó phòng nghiệp vụ y, phó giám đốc bệnh viện.

Điều dưỡng đã trở thành một ngành học với nhiều cấp trình độ, từ trung cấp lên cao đẳng, đại học điều dưỡng và thạc sỹ điều dưỡng. Hệ thống đào tạo điều dưỡng đến nay đã có nhiều cơ sở đào tạo, trong đó có các cơ sở đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học.

Các chính sách về điều dưỡng viên và các chuẩn mực hành nghề điều dưỡng đang được bổ sung, hoàn thiện: Bộ Y tế đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, hướng dẫn quốc gia về thực hành chăm sóc điều dưỡng; Nhà nước đã có quyết định công nhận danh hiệu Thầy thuốc ưu tú, Thầy thuốc nhân dân cho điều dưỡng viên, hộ sinh viên. Với những chính sách hiện hành đã mở ra tương lai cho ngành điều dưỡng phát triển và người điều dưỡng có thể yên tâm phấn đấu và tiến bộ trong nghề nghiệp.

Chất lượng chăm sóc người bệnh đã có nhiều chuyên biến rõ rệt thông qua việc đổi mới các mô hình phân công chăm sóc, tổ chức chăm sóc người bệnh toàn diện, chuẩn hoá các kỹ thuật điều dưỡng. Vai trò và vị thế nghề nghiệp của điều dưỡng viên đã có những thay đổi cơ bản.

Tuy nhiên, ngành điều dưỡng đang đứng trước nhiều thách thức của sự phát triển: thiếu đội ngũ giáo viên và thiếu chuyên gia đầu ngành về Điều dưỡng nên phải sử dụng tới gần 70% đội

ngũ giáo viên giảng dạy Điều dưỡng là bác sĩ; khoa học Điều dưỡng chưa phát triển kịp với những tiến bộ của Điều dưỡng thế giới trong đào tạo Điều dưỡng; người điều dưỡng chưa được đào tạo để thực hiện thiên chức chăm sóc mang tính chủ động và chuyên nghiệp; nguồn nhân lực điều dưỡng mất cân đối về cơ cấu dẫn đến sử dụng chưa phân biệt rõ trình độ đào tạo, kỹ năng, kỹ xảo; vị thế và hình ảnh người điều dưỡng trong xã hội tuy đã có thay đổi nhưng chưa được định hình rõ ràng.

2. Sự cần thiết

Việc xây dựng và ban hành Bộ Chuẩn năng lực cơ bản cho điều dưỡng Việt Nam có ý nghĩa rất quan trọng bởi các lý do cơ bản sau đây:

2.1. Đối với cơ sở đào tạo

- phân biệt năng lực giữa Cử nhân điều dưỡng với các cấp đào tạo điều dưỡng khác (*Cao đẳng, trung học*);
- xây dựng chương trình và nội dung đào tạo đảm bảo cho sinh viên điều dưỡng sau khi tốt nghiệp có được các năng lực theo quy định;
- giảng viên điều dưỡng xác định mục tiêu và nội dung đào tạo cho Cử nhân điều dưỡng;
- sinh viên điều dưỡng phấn đấu học tập và tự đánh giá năng lực nghề nghiệp của bản thân;
- so sánh năng lực đầu ra của điều dưỡng Việt Nam với điều dưỡng của các nước, thúc đẩy quá trình hội nhập và công nhận trình độ đào tạo giữa các nước trong khu vực và trên thế giới.

2.2. Đối với cơ sở sử dụng nhân lực điều dưỡng

- xác định phạm vi hành nghề giữa các cấp điều dưỡng;
- phân công nhiệm vụ và trách nhiệm cho từng cấp điều dưỡng;
- xây dựng tiêu chuẩn thực hành nghề nghiệp cho các cấp điều dưỡng;
- xác định trách nhiệm và nghĩa vụ nghề nghiệp của người Điều dưỡng và giải quyết các sai phạm về đạo đức và hành nghề Điều dưỡng.

2.3. Đối với các cơ quan quản lý điều dưỡng

- các quốc gia công nhận sự tương đương về trình độ Điều dưỡng giữa các quốc gia;
- hợp tác và trao đổi Điều dưỡng giữa các quốc gia;
- xây dựng chương trình đào tạo Điều dưỡng quốc tế;
- xác định năng lực, chuẩn mực điều dưỡng ở mỗi quốc gia và khu vực.

3. Cơ sở xây dựng chuẩn năng lực của bản điều dưỡng

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/QH 12 ngày 23 tháng 11 năm 2009 của Quốc Hội khóa XII nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Thỏa thuận khung thừa nhận lẫn nhau về dịch vụ điều dưỡng giữa các nước trong khu vực

ASEAN do Chính phủ Việt Nam ký kết với các nước thành viên khối ASEAN ngày 8 tháng 12 năm 2006.

- Tiêu chuẩn nghiệp vụ Ngạch công chức điều dưỡng theo Quyết định số 41/2005/QĐ-BNV, ngày 22 tháng 4 năm 2005 của Bộ Nội vụ.
- Chuẩn Năng lực chung của cử nhân điều dưỡng do Tổ chức Y tế thế giới khu vực Tây Thái Bình Dương khuyến cáo.
- Chuẩn “*Năng lực điều dưỡng chuyên nghiệp - Professional Nurse*” của Hội đồng Điều dưỡng thế giới (ICN - 2003).
- Chuẩn năng lực cho Điều dưỡng của Philippines.

4. Quá trình xây dựng

4.1. Quá trình chuẩn bị của Hội Điều dưỡng Việt Nam

- Thành lập Ban biên soạn Tiêu chuẩn năng lực điều dưỡng Việt Nam, gồm các nhà đào tạo, quản lý và xây dựng chính sách y tế, có sự tham gia tư vấn của các chuyên gia điều dưỡng quốc tế.
- Ban biên soạn đã tiến hành dịch và nghiên cứu tài liệu trong nước và tài liệu quốc tế về chuẩn năng lực điều dưỡng
- Ban biên soạn đã xây dựng các bản thảo tiêu chuẩn năng lực để xin ý kiến góp ý trong các hội thảo điều dưỡng tại các vùng, miền.
- Tổ chức lấy ý kiến góp ý của các cơ sở đào tạo điều dưỡng, các bệnh viện và đăng trên website của Hội Điều dưỡng để tham khảo ý kiến của Hội viên.
- Ban chấp hành Hội Điều dưỡng Việt Nam đã họp thông qua. Chủ tịch Hội Điều dưỡng Việt Nam đã ký ban hành về phương diện Hội nghề nghiệp để sử dụng làm tài liệu tham khảo và đã trình Bộ Y tế lần một vào năm 2009. Lần thứ 2 Hội Điều dưỡng Việt Nam tiếp tục bổ sung cập nhật và trình Bộ Y tế vào tháng 10 năm 2011.

4.2. Quá trình phê duyệt của Bộ Y tế

- Trên cơ sở đề xuất của Hội Điều dưỡng Việt Nam, sau khi có ý kiến chỉ đạo của Bộ trưởng Bộ Y tế, Vụ Tổ chức Cán bộ - Bộ Y tế đã đảm nhiệm vai trò đầu mối để tiếp tục hoàn chỉnh Chuẩn năng lực điều dưỡng Việt Nam theo các quy định của Bộ Y tế.
- Bộ trưởng Bộ Y tế đã thành lập Hội đồng chuyên môn thẩm định Tài liệu chuẩn năng lực cơ bản của điều dưỡng Việt Nam. Hội đồng do PGS.TS Nguyễn Viết Tiến, Thứ trưởng Bộ Y tế là Chủ tịch Hội đồng và có 15 thành viên.
- Hội đồng đã họp thẩm định tài liệu và đã có ý kiến góp ý bổ sung về nội dung và thể thức văn bản. Tổ Thư ký Hội đồng đã tiếp thu ý kiến của Hội đồng để tiếp tục hoàn thiện Tài liệu.
- Vụ Tổ chức Cán bộ - Bộ Y tế đã có văn bản xin góp ý lần cuối của các Vụ, Cục của Bộ Y tế để hoàn thiện.
- Bộ Trưởng Bộ Y tế đã ký Quyết định ban hành Chuẩn năng lực cơ bản của điều dưỡng Việt Nam tại Quyết định số..... ngày tháng năm 2012.

5. Tóm tắt nội dung tài liệu

Bộ Chuẩn năng lực cơ bản của điều dưỡng Việt Nam được cấu trúc theo khuôn mẫu chung của điều dưỡng khu vực Châu Á Thái Bình Dương và ASEAN để đáp ứng yêu cầu của khu vực và để dễ so sánh với chuẩn năng lực điều dưỡng các nước. Tài liệu chuẩn năng lực cơ bản điều dưỡng Việt Nam được cấu trúc thành 3 lĩnh vực, 25 tiêu chuẩn và 110 tiêu chí.

Mỗi lĩnh vực thể hiện một chức năng cơ bản của người điều dưỡng. Trong tài liệu này được chia thành 3 lĩnh vực là: năng lực thực hành, quản lý chăm sóc và phát triển nghề, luật pháp và đạo đức điều dưỡng.

Mỗi tiêu chuẩn thể hiện một phần của lĩnh vực và bao hàm một nhiệm vụ của người điều dưỡng.

Mỗi tiêu chí là một thành phần của tiêu chuẩn. Một tiêu chí có thể áp dụng chung cho các tiêu chuẩn và các lĩnh vực.

Bộ Chuẩn năng lực cơ bản cho Điều dưỡng Việt Nam được biên soạn công phu, tham khảo nhiều nguồn tài liệu có giá trị, thông qua nhiều kênh thông tin để lấy ý kiến góp ý và điều chỉnh cho phù hợp với hiện trạng chuyên ngành Điều dưỡng Việt Nam và xu thế hội nhập.

PHẦN HAI

CHUẨN NĂNG LỰC CƠ BẢN CỦA ĐIỀU DƯỠNG VIỆT NAM

Lĩnh vực 1: Năng lực thực hành chăm sóc

Tiêu chuẩn 1: Thể hiện sự hiểu biết về tình trạng sức khỏe, bệnh tật của các cá nhân, gia đình và cộng đồng

1. **Tiêu chí 1:** Xác định nhu cầu về sức khỏe và tình trạng sức khỏe của các cá nhân, gia đình và cộng đồng.
2. **Tiêu chí 2:** Giải thích tình trạng sức khỏe của các cá nhân, gia đình và cộng đồng.

Tiêu chuẩn 2: Ra quyết định chăm sóc phù hợp với nhu cầu của các cá nhân, gia đình và cộng đồng

3. **Tiêu chí 1:** Thu thập thông tin và phân tích các vấn đề về sức khỏe, bệnh tật để xác định các vấn đề về sức khỏe và bệnh tật của cá nhân, gia đình và cộng đồng.
4. **Tiêu chí 2:** Ra các quyết định về chăm sóc cho người bệnh, gia đình và cộng đồng an toàn và hiệu quả.
5. **Tiêu chí 3:** Thực hiện các can thiệp điều dưỡng để hỗ trợ cá nhân, gia đình và cộng đồng đáp ứng với các vấn đề về sức khỏe/bệnh tật phù hợp với văn hóa, tín ngưỡng của người bệnh, gia đình người bệnh.
6. **Tiêu chí 4:** Theo dõi sự tiến triển của các can thiệp điều dưỡng đã thực hiện.

Tiêu chuẩn 3: Xác định ưu tiên chăm sóc dựa trên nhu cầu của người bệnh, gia đình và cộng đồng

7. **Tiêu chí 1:** Phân tích và xác định được những nhu cầu chăm sóc ưu tiên của cá nhân, gia đình và cộng đồng.
8. **Tiêu chí 2:** Thực hiện các can thiệp chăm sóc đáp ứng nhu cầu chăm sóc ưu tiên của cá nhân, gia đình và cộng đồng.

Tiêu chuẩn 4: Sử dụng quy trình điều dưỡng để lập kế hoạch chăm sóc và can thiệp điều dưỡng

9. **Tiêu chí 1:** Thực hiện nhận định người bệnh toàn diện và có hệ thống.
10. **Tiêu chí 2:** Tập hợp và ghi đầy đủ thông tin thích hợp vào hồ sơ điều dưỡng.
11. **Tiêu chí 3:** Phân tích và diễn giải các thông tin về người bệnh một cách chính xác.
12. **Tiêu chí 4:** Lập kế hoạch chăm sóc điều dưỡng dựa trên nhận định người bệnh và có sự thống nhất với đồng nghiệp, người nhà người bệnh về các vấn đề ưu tiên, sự mong muốn và kết quả mong đợi cho người bệnh.
13. **Tiêu chí 5:** Giải thích các can thiệp điều dưỡng cho người bệnh, gia đình người bệnh và thực hiện các can thiệp theo kế hoạch chăm sóc điều dưỡng, bảo đảm an toàn, thoải mái, hiệu quả cho người bệnh.
14. **Tiêu chí 6:** Hướng dẫn người bệnh, gia đình người bệnh các phương pháp tự chăm sóc một cách phù hợp.

15. **Tiêu chí 7:** Đánh giá kết quả của quá trình chăm sóc và điều chỉnh kế hoạch chăm sóc dựa vào tình trạng sức khỏe người bệnh và kết quả mong đợi.
16. **Tiêu chí 8:** Thực hiện các công việc cần thiết để hỗ trợ người bệnh xuất viện.
17. **Tiêu chí 9:** Tuyên truyền giáo dục sức khỏe và hướng dẫn cách phòng bệnh cho người bệnh.

Tiêu chuẩn 5: Tạo sự an toàn, thoải mái và kín đáo cho người bệnh

18. **Tiêu chí 1:** Thực hiện các biện pháp an toàn trong chăm sóc cho người bệnh.
19. **Tiêu chí 2:** Tạo môi trường chăm sóc thoải mái trong khi chăm sóc cho người bệnh.
20. **Tiêu chí 3:** Bảo đảm sự kín đáo trong khi chăm sóc cho người bệnh.

Tiêu chuẩn 6: Tiến hành các kỹ thuật chăm sóc đúng quy trình

21. **Tiêu chí 1:** Tuân thủ các bước của quy trình điều dưỡng trong phạm vi chuyên môn.
22. **Tiêu chí 2:** Thực hiện thành thạo kỹ thuật điều dưỡng.
23. **Tiêu chí 3:** Tuân thủ các quy định về vô khuẩn và kiểm soát nhiễm khuẩn.

Tiêu chuẩn 7: Dùng thuốc đảm bảo an toàn hiệu quả

24. **Tiêu chí 1:** Khai thác tiền sử dị ứng thuốc của người bệnh.
25. **Tiêu chí 2:** Tuân thủ quy tắc khi dùng thuốc.
26. **Tiêu chí 3:** Hướng dẫn người bệnh dùng thuốc đúng và an toàn.
27. **Tiêu chí 4:** Phát hiện và xử trí ban đầu các dấu hiệu của phản ứng có hại của thuốc và báo cáo kịp thời cho bác sĩ và điều dưỡng phụ trách.
28. **Tiêu chí 5:** Nhận biết sự tương tác giữa thuốc với thuốc và thuốc với thức ăn.
29. **Tiêu chí 6:** Đánh giá hiệu quả của việc dùng thuốc.
30. **Tiêu chí 7:** Ghi chép và công khai việc sử dụng thuốc cho người bệnh.

Tiêu chuẩn 8: Đảm bảo chăm sóc liên tục

31. **Tiêu chí 1:** Bàn giao tình trạng của người bệnh với nhóm chăm sóc kế tiếp một cách cụ thể, đầy đủ và chính xác.
32. **Tiêu chí 2:** Phối hợp hiệu quả với người bệnh, gia đình và đồng nghiệp để đảm bảo chăm sóc liên tục cho người bệnh.
33. **Tiêu chí 3:** Thiết lập các biện pháp để thực hiện chăm sóc liên tục cho người bệnh.

Tiêu chuẩn 9: Sơ cứu và đáp ứng khi có tình huống cấp cứu

34. **Tiêu chí 1:** Phát hiện sớm những thay đổi đột ngột về tình trạng sức khỏe người bệnh.
35. **Tiêu chí 2:** Ra quyết định xử trí sơ cứu, cấp cứu kịp thời và phù hợp.
36. **Tiêu chí 3:** Phối hợp hiệu quả với các thành viên nhóm chăm sóc trong sơ cứu, cấp cứu.
37. **Tiêu chí 4:** Thực hiện sơ cứu, cấp cứu hiệu quả cho người bệnh.

Tiêu chuẩn 10: Thiết lập được mối quan hệ tốt người bệnh, gia đình và đồng nghiệp

38. **Tiêu chí 1:** Tạo dựng niềm tin đối với người bệnh, người nhà và thành viên trong nhóm chăm sóc.
39. **Tiêu chí 2:** Dành thời gian cần thiết để giao tiếp với người bệnh, người nhà và thành viên trong nhóm chăm sóc.
40. **Tiêu chí 3:** Lắng nghe và đáp ứng thích hợp những băn khoăn, lo lắng của người bệnh và người nhà người bệnh.

Tiêu chuẩn 11: Giao tiếp hiệu quả với người bệnh và gia đình người bệnh

41. **Tiêu chí 1:** Nhận biết tâm lý và nhu cầu của người bệnh qua những biểu hiện nét mặt và ngôn ngữ cơ thể của người bệnh.
42. **Tiêu chí 2:** Giao tiếp hiệu quả với các cá nhân, gia đình, cộng đồng có các trở ngại về giao tiếp do bệnh tật, do những khó khăn về tâm lý.
43. **Tiêu chí 3:** Thể hiện lời nói, cử chỉ động viên, khuyến khích người bệnh an tâm điều trị.
44. **Tiêu chí 4:** Thể hiện sự hiểu biết về văn hóa, tín ngưỡng trong giao tiếp với người bệnh, gia đình và nhóm người.

Tiêu chuẩn 12: Sử dụng hiệu quả các kênh truyền thông và phương nghe nhìn trong giao tiếp với người bệnh và gia đình người bệnh

45. **Tiêu chí 1:** Sử dụng các phương tiện nghe nhìn sẵn có để truyền thông và hỗ trợ giao tiếp với người bệnh, người nhà và cộng đồng.
46. **Tiêu chí 2:** Sử dụng các phương pháp, hình thức giao tiếp hiệu quả và thích hợp với người bệnh, người nhà người bệnh.

Tiêu chuẩn 13: Cung cấp thông tin cho người bệnh, người nhà tình trạng khỏe hiệu quả và phù hợp

47. **Tiêu chí 1:** Xác định những thông tin cần cung cấp cho người bệnh và gia đình.
48. **Tiêu chí 2:** Chuẩn bị về tâm lý cho người bệnh và gia đình trước khi cung cấp những thông tin “xấu”.

Tiêu chuẩn 14: Xác định nhu cầu và tổ chức hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng

49. **Tiêu chí 1:** Thu thập và phân tích thông tin về nhu cầu hiểu biết của cá nhân, gia đình, và cộng đồng về hướng dẫn, giáo dục sức khỏe.
50. **Tiêu chí 2:** Xác định nhu cầu và những nội dung cần hướng dẫn, giáo dục sức khỏe cho cá nhân, gia đình và cộng đồng.
51. **Tiêu chí 3:** Xây dựng kế hoạch giáo dục sức khỏe phù hợp với văn hóa, xã hội và tín ngưỡng của cá nhân, gia đình và cộng đồng.
52. **Tiêu chí 4:** Xây dựng tài liệu giáo dục sức khỏe phù hợp với trình độ của đối tượng.
53. **Tiêu chí 5:** Thực hiện tư vấn, truyền thông giáo dục sức khỏe phù hợp, hiệu quả.

54. **Tiêu chí 6:** Đánh giá kết quả giáo dục sức khỏe và điều chỉnh kế hoạch giáo dục sức khỏe dựa trên mục tiêu và kết quả mong chờ.

Tiêu chuẩn 15: Hợp tác với các thành viên nhóm chăm sóc

55. **Tiêu chí 1:** Duy trì tốt mối quan hệ với các thành viên trong nhóm, coi người bệnh như một cộng sự trong nhóm chăm sóc.
56. **Tiêu chí 2:** Hợp tác tốt với các thành viên trong nhóm chăm sóc để đưa ra các quyết định phù hợp nhằm cải thiện chất lượng chăm sóc.
57. **Tiêu chí 3:** Hợp tác tốt với các thành viên nhóm chăm sóc trong việc theo dõi, chăm sóc, điều trị người bệnh và thực hiện nhiệm vụ được giao.
58. **Tiêu chí 4:** Tôn trọng vai trò và quan điểm của đồng nghiệp.
59. **Tiêu chí 5:** Chia sẻ thông tin một cách hiệu quả với các thành viên trong nhóm chăm sóc.
60. **Tiêu chí 6:** Thực hiện vai trò đại diện hoặc biện hộ cho người bệnh để bảo đảm các quyền, lợi ích và vì sự an toàn của người bệnh.

Lĩnh vực 2: Năng lực quản lý và phát triển nghề nghiệp

Tiêu chuẩn 16: Quản lý, ghi chép và dụng hồ sơ bệnh án theo quy định

61. **Tiêu chí 1:** Thực hiện các quy chế quản lý, lưu giữ hồ sơ bệnh án theo quy định luật pháp và của Bộ Y tế.
62. **Tiêu chí 2:** Bảo mật thông tin trong hồ sơ bệnh án và Phiếu chăm sóc của người bệnh.
63. **Tiêu chí 3:** Ghi chép hồ sơ điều dưỡng bảo đảm tính khách quan, chính xác, đầy đủ và kịp thời.
64. **Tiêu chí 4:** Sử dụng các dữ liệu thu thập được về tình trạng sức khỏe người bệnh làm cơ sở để xây dựng chính sách và tạo thuận lợi cho việc chăm sóc người bệnh.

Tiêu chuẩn 17: Quản lý công tác chăm sóc người bệnh

65. **Tiêu chí 1:** Quản lý công việc, thời gian của cá nhân hiệu quả và khoa học.
66. **Tiêu chí 2:** Xác định các công việc hoặc nhiệm vụ cần hoàn thành theo thứ tự ưu tiên.
67. **Tiêu chí 3:** Tổ chức, điều phối, phân công và ủy quyền nhiệm vụ cho các thành viên của nhóm chăm sóc một cách khoa học, hợp lý và hiệu quả.
68. **Tiêu chí 4:** Thể hiện sự hiểu biết về mối quan hệ giữa quản lý và sử dụng các nguồn lực có hiệu quả để đảm bảo chất lượng chăm sóc và an toàn cho người bệnh.
69. **Tiêu chí 5:** Sử dụng công nghệ thông tin trong quản lý và chăm sóc người bệnh cũng như cập nhật kiến thức chuyên môn.

Tiêu chuẩn 18: Quản lý, vận hành và sử dụng các trang thiết bị y tế có hiệu quả

70. **Tiêu chí 1:** Thiết lập các cơ chế quản lý, phát huy tối đa chức năng hoạt động của các phương tiện, trang thiết bị phục vụ cho chăm sóc và điều trị.

71. **Tiêu chí 2:** Lập và thực hiện kế hoạch bảo trì phương tiện, trang thiết bị do mình phụ trách.
72. **Tiêu chí 3:** Vận hành các trang thiết bị, phương tiện sử dụng trong chăm sóc bảo đảm an toàn, hiệu quả và phòng tránh nhiễm khuẩn liên quan đến chăm sóc y tế.

Tiêu chuẩn 19: Sử dụng nguồn tài chính thích hợp để chăm sóc người bệnh hiệu quả

73. **Tiêu chí 1:** Nhận biết được hiệu quả kinh tế khi sử dụng các nguồn lực sẵn có tại nơi làm việc để sử dụng thích hợp, hiệu quả.
74. **Tiêu chí 2:** Xây dựng và thực hiện kế hoạch sử dụng các nguồn lực trong chăm sóc người bệnh thuộc phạm vi phân công hiệu quả.

Tiêu chuẩn 20: Thiết lập môi trường làm an toàn và hiệu quả

75. **Tiêu chí 1:** Tuân thủ các tiêu chuẩn và quy tắc về an toàn lao động.
76. **Tiêu chí 2:** Tuân thủ các chính sách, quy trình về phòng ngừa cách ly và kiểm soát nhiễm khuẩn.
77. **Tiêu chí 3:** Tuân thủ các quy định về kiểm soát môi trường chăm sóc (*tiếng ồn, không khí, nguồn nước...*).
78. **Tiêu chí 4:** Tuân thủ quy định về quản lý, xử lý chất thải.
79. **Tiêu chí 5:** Tuân thủ các bước về an toàn phòng cháy chữa cháy, động đất hoặc các trường hợp khẩn cấp khác.
80. **Tiêu chí 6:** Thể hiện sự hiểu biết về những khía cạnh có liên quan đến sức khỏe nghề nghiệp và luật pháp về an toàn lao động.

Tiêu chuẩn 21: Cải tiến chất lượng chăm sóc và quản lý nguy cơ trong môi trường chăm sóc

81. **Tiêu chí 1:** Nhận thức được sự cần thiết về các hoạt động bảo đảm chất lượng, cải tiến chất lượng thông qua sự nghiên cứu, phản hồi và đánh giá thực hành thường xuyên.
82. **Tiêu chí 2:** Phát hiện, báo cáo và đưa ra các hành động khắc phục phù hợp các nguy cơ trong môi trường chăm sóc người bệnh
83. **Tiêu chí 3:** Nhận phản hồi từ người bệnh, gia đình và các đối tượng liên quan để cải tiến chất lượng các hoạt động chăm sóc.
84. **Tiêu chí 4:** Áp dụng các phương pháp cải tiến chất lượng phù hợp.
85. **Tiêu chí 5:** Tham gia các hoạt động cải tiến chất lượng tại cơ sở.
86. **Tiêu chí 6:** Chia sẻ các thông tin liên quan đến tình trạng người bệnh với các thành viên trong nhóm chăm sóc.
87. **Tiêu chí 7:** Bình phiếu chăm sóc để cải tiến và khắc phục những tồn tại về chuyên môn và thủ tục hành chính.
88. **Tiêu chí 8:** Đưa ra những đề xuất phù hợp về các biện pháp chăm sóc và phòng ngừa bệnh.
89. **Tiêu chí 9:** Sử dụng bằng chứng áp dụng vào thực hành chăm sóc để tăng cường sự an toàn trong chăm sóc người bệnh.

Tiêu chuẩn 22: Nghiên cứu khoa học và thực hành dựa vào bằng chứng

90. **Tiêu chí 1:** Xác định và lựa chọn các lĩnh vực và vấn đề nghiên cứu phù hợp, cần thiết và khả thi.
91. **Tiêu chí 2:** Áp dụng các phương pháp phù hợp để tiến hành nghiên cứu những vấn đề đã lựa chọn.
92. **Tiêu chí 3:** Sử dụng phương pháp thống kê thích hợp để phân tích và diễn giải dữ liệu thu thập được.
93. **Tiêu chí 4:** Đề xuất các giải pháp thích hợp dựa trên kết quả nghiên cứu.
94. **Tiêu chí 5:** Trình bày, chia sẻ kết quả nghiên cứu với đồng nghiệp, người bệnh và những người có liên quan.
95. **Tiêu chí 6:** Ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học vào thực hành điều dưỡng. Sử dụng các bằng chứng từ nghiên cứu khoa học để nâng cao chất lượng thực hành chăm sóc điều dưỡng.

Tiêu chuẩn 23: Duy trì và phát triển năng lực cho bản thân và đồng nghiệp

96. **Tiêu chí 1:** Xác định rõ mục tiêu, nguyện vọng phát triển nghề nghiệp, nhu cầu học tập, điểm mạnh, điểm yếu của bản thân.
97. **Tiêu chí 2:** Học tập liên tục để cập nhật kiến thức, kỹ năng và ứng dụng kiến thức đã học để nâng cao chất lượng thực hành chăm sóc điều dưỡng.
98. **Tiêu chí 3:** Tham gia vào các hoạt động của tổ chức nghề nghiệp.
99. **Tiêu chí 4:** Quảng bá hình ảnh của người điều dưỡng, thể hiện tác phong và tư cách tốt, trang phục phù hợp, lời nói thuyết phục và cách cư xử đúng mực.
100. **Tiêu chí 5:** Thể hiện thái độ tích cực với những đổi mới và những quan điểm trái chiều, thể hiện sự lắng nghe các kiến nghị và đề xuất, thử nghiệm những phương pháp mới và thích nghi với những thay đổi.
101. **Tiêu chí 6:** Thực hiện chăm sóc theo các tiêu chuẩn thực hành điều dưỡng.
102. **Tiêu chí 7:** Đóng góp vào việc đào tạo nâng cao trình độ và phát triển nghề nghiệp cho đồng nghiệp.
103. **Tiêu chí 8:** Đóng góp vào việc nâng cao vai trò, vị thế của người điều dưỡng, ngành điều dưỡng trong ngành y tế và trong xã hội.

Lĩnh vực 3: Năng lực hành nghề theo pháp luật và đạo đức nghề nghiệp

Tiêu chuẩn 24: Hành nghề theo quy định của pháp luật

104. **Tiêu chí 1:** Hành nghề theo quy định của pháp luật liên quan đến y tế, quy định của Bộ Y tế và thực hành điều dưỡng.
105. **Tiêu chí 2:** Tuân thủ các quy định của cơ sở nơi làm việc.
106. **Tiêu chí 3:** Thực hiện tốt quy tắc ứng xử của đơn vị/tổ chức và luật định.

107. **Tiêu chí 4:** Ghi chép và bảo quản hồ sơ chăm sóc và tài liệu liên quan đến người bệnh, các vấn đề sức khỏe của người bệnh phù hợp với các tiêu chuẩn thực hành chăm sóc.

Tiêu chuẩn 25: Hành nghề theo tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp

108. **Tiêu chí 1.** Chịu trách nhiệm cá nhân khi đưa ra các quyết định và can thiệp chăm sóc.

109. **Tiêu chí 2:** Tuân thủ Tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp của quốc gia và quốc tế trong thực hành điều dưỡng.

110. **Tiêu chí 3:** Báo cáo các hành vi vi phạm với cơ quan có thẩm quyền và chịu trách nhiệm cá nhân với báo cáo đó.

2.2. Chuẩn đạo đức của Điều dưỡng Việt Nam

CHUẨN ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CỦA ĐIỀU DƯỠNG VIÊN

(Ban hành theo Quyết định số 20/QĐ-HDD, ngày 10 tháng 09 năm 2012
của Chủ tịch Hội Điều dưỡng Việt Nam)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Chuẩn đạo đức nghề nghiệp của điều dưỡng viên áp dụng đối với hội viên của Hội Điều dưỡng Việt Nam, các Giáo viên điều dưỡng và Điều dưỡng trưởng các cấp (sau đây gọi tắt là điều dưỡng viên).

Điều 2. Mục đích

1. Giáo dục điều dưỡng viên tự rèn luyện theo các chuẩn mực đạo đức phù hợp với nghề điều dưỡng được xã hội thừa nhận;
2. Giúp điều dưỡng viên đưa ra các quyết định trong các tình huống hành nghề phù hợp với chuẩn đạo đức nghề nghiệp;
3. Công khai Chuẩn đạo đức nghề nghiệp của điều dưỡng viên làm cơ sở để người dân, người bệnh và nhà quản lý y tế giám sát, đánh giá việc thực hiện của điều dưỡng viên;
4. Công bố Chuẩn đạo đức nghề nghiệp của điều dưỡng viên Việt Nam đáp ứng yêu cầu thực hiện Thỏa thuận khung về công nhận dịch vụ điều dưỡng giữa Việt Nam với các nước ASEAN và các nước khác.

Chương II CHUẨN ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CỦA ĐIỀU DƯỠNG VIÊN

Điều 3. Bảo đảm an toàn cho người bệnh

1. Duy trì chuẩn mực thực hành tốt nhất có thể ở nơi làm việc.
2. Chịu trách nhiệm cá nhân về mọi quyết định và hành vi chuyên môn trong chăm sóc người bệnh.
3. Can thiệp kịp thời và báo cáo cho người phụ trách khi phát hiện các hành vi thực hành của người hành nghề không bảo đảm an toàn cho người bệnh.

Điều 4. Tôn trọng người bệnh và người nhà người bệnh

1. Tôn trọng tuổi, giới tính, dân tộc, tín ngưỡng của người bệnh.
2. Tôn trọng quyền tự quyết của người bệnh trong khi thực hành chăm sóc.

3. Tôn trọng danh dự, nhân phẩm và bảo đảm kín đáo tốt nhất có thể cho người bệnh khi chăm sóc và làm thủ thuật.
4. Cung cấp đầy đủ các thông tin liên quan đến các giải pháp và hoạt động chăm sóc cho người bệnh.
5. Giữ gìn những bí mật liên quan đến bệnh tật và cuộc sống riêng tư của người bệnh.
6. Đối xử công bằng với mọi người bệnh.

Điều 5. Thân thiện với người bệnh và người nhà người bệnh

1. Giới thiệu tên và chào hỏi người bệnh, người nhà người bệnh một cách thân thiện.
2. Lắng nghe người bệnh, người nhà người bệnh và đáp lại bằng câu nói ân cần với cử chỉ lịch sự.
3. Cung cấp dịch vụ chăm sóc kèm theo nụ cười thân thiện.
4. Giúp người bệnh giảm nhẹ đau đớn do bệnh tật và do phẫu thuật, thủ thuật.

Điều 6. Trung thực trong khi hành nghề

1. Trung thực trong việc quản lý, sử dụng thuốc và vật tư tiêu hao cho người bệnh.
2. Trung thực trong việc thực hiện các hoạt động chuyên môn chăm sóc người bệnh và thực hiện các chỉ định điều trị.
3. Trung thực trong việc ghi các thông tin trong hồ sơ bệnh án của người bệnh.

Điều 7. Duy trì và nâng cao năng lực hành nghề

1. Thực hiện đầy đủ chức năng nghề nghiệp của điều dưỡng viên.
2. Tuân thủ các quy trình kỹ thuật, các hướng dẫn chuyên môn khi chăm sóc người bệnh.
3. Học tập liên tục để cập nhật kiến thức và kỹ năng nghề nghiệp.
4. Tham gia nghiên cứu và thực hành dựa vào bằng chứng.

Điều 8. Tự tôn nghề nghiệp

1. Giữ gìn và bảo vệ uy tín nghề nghiệp khi người khác làm tổn hại đến các giá trị và danh dự của nghề.
2. Tận tụy với công việc chăm sóc người bệnh và tự giác chấp hành các quy định ở nơi làm việc.
3. Từ chối nhận tiền hoặc lợi ích khác của người bệnh, người nhà người bệnh vì mục đích được ưu tiên trong khám bệnh, chữa bệnh.
4. Tôn trọng Điều lệ Hội và tự nguyện tham gia các hoạt động của Hội Điều dưỡng ở các cấp.

Điều 9. Thật thà đoàn kết với đồng nghiệp

1. Hợp tác và giúp đỡ đồng nghiệp hoàn thành nhiệm vụ.
2. Tôn trọng và bảo vệ danh dự, uy tín của đồng nghiệp.
3. Truyền thụ và chia sẻ kinh nghiệm nghề nghiệp với đồng nghiệp.

Điều 10. Cam kết với cộng đồng và xã hội

1. Nói và làm theo các quy định của Pháp luật.
2. Gương mẫu tại cộng đồng và nơi sinh sống.
3. Tham gia các hoạt động từ thiện và bảo vệ môi trường.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của Ban chấp hành Trung ương Hội Điều dưỡng Việt Nam

1. Phối hợp với Bộ Y tế và Tổng Hội Y học Việt Nam tổ chức phát động thi đua thực hiện Chuẩn đạo đức nghề nghiệp của điều dưỡng viên Việt Nam.
2. Xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện Chuẩn đạo đức nghề nghiệp của điều dưỡng viên tới cấp tỉnh/thành hội và chi hội trực thuộc.
3. Giám sát, đánh giá kết quả triển khai thực hiện Chuẩn đạo đức nghề nghiệp của điều dưỡng viên đối với các cấp hội.
4. Tổ chức sơ kết, tổng kết phổ biến các bài học, kinh nghiệm điển hình để nhân rộng trong toàn bộ hệ thống tổ chức của Hội Điều dưỡng Việt Nam ở các cấp.
5. Đề nghị khen thưởng kịp thời các tỉnh hội, thành hội, các chi hội, các cá nhân hội viên thực hiện tốt và kiến nghị với các cấp quản lý y tế xử lý kỷ luật đối với các cá nhân vi phạm Quy định này.

Điều 12. Trách nhiệm của Chủ tịch cấp tỉnh/thành hội và Chi hội trưởng Chi hội điều dưỡng

1. Chủ tịch cấp tỉnh, thành, ngành hội:

- a) Phối hợp với Sở Y tế, Điều dưỡng trưởng Sở Y tế, các ban ngành hữu quan tại địa phương tổ chức phát động thi đua, giới thiệu, phổ biến nội dung Chuẩn đạo đức nghề nghiệp của điều dưỡng viên và xây dựng kế hoạch triển khai tới tất cả các chi hội.
- b) Giám sát, đánh giá kết quả triển khai thực hiện Chuẩn đạo đức nghề nghiệp của điều dưỡng viên đối với các chi hội trực thuộc.
- c) Tổ chức sơ kết, phổ biến các bài học, kinh nghiệm điển hình để nhân rộng trong toàn bộ các chi hội.
- d) Đề nghị khen thưởng kịp thời các chi hội, các cá nhân hội viên thực hiện tốt và kiến nghị các cấp quản lý y tế xử lý kỷ luật đối với các cá nhân vi phạm Quy định này.

2. Chi hội trưởng các chi hội:

- a) Phối hợp với Thủ trưởng đơn vị, Điều dưỡng trưởng bệnh viện xây dựng kế hoạch, tổ chức cho tất cả hội viên học tập và thực hiện Chuẩn đạo đức nghề nghiệp của điều dưỡng viên.
- b) Hướng dẫn cho từng hội viên định kỳ tự đánh giá bản thân theo Chuẩn đạo đức nghề nghiệp của điều dưỡng viên theo Bộ công cụ hướng dẫn của Trung ương Hội Điều dưỡng Việt Nam (*phụ lục 1 kèm theo văn bản này*).

- c) Phối hợp với các Điều dưỡng trưởng đánh giá kết quả thực hiện Chuẩn đạo đức nghề nghiệp của hội viên và phản hồi kết quả đánh giá tới từng hội viên theo Bộ công cụ hướng dẫn của Trung ương Hội Điều dưỡng Việt Nam (*phụ lục 2 kèm theo văn bản này*).
- d) Báo cáo kết quả triển khai thực hiện Chuẩn đạo đức nghề nghiệp của điều dưỡng viên cho tổ chức Hội cấp trên và cơ quan quản lý y tế cùng cấp.
- e) Đề nghị khen thưởng kịp thời các cá nhân hội viên thực hiện tốt và đề nghị xử lý kỷ luật đối với các cá nhân vi phạm Quy định này.

**TM. BAN CHẤP HÀNH
HỘI ĐIỀU DƯỠNG VIỆT NAM**

Vi Nguyệt Hồ

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

Chịu trách nhiệm xuất bản: Giám đốc **Võ Thị Kim Thanh**

Biên tập và sửa bản in: **Mai Thị Thanh Hằng**

Trình bày: **JICA**

In 1070 cuốn khổ 21x29,7cm tại Công ty CP in Sách Việt Nam

ĐC: 22B Hai Bà Trưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Số xác nhận ĐKXB: 3146-2017/CXBIPH/05-209/LĐ

Số QĐXB: 1061/QĐ-NXBLĐ cấp ngày 02/10/2017

Mã số ISBN: 978-604-59-8755-1.

In xong và nộp lưu chiểu năm 2017.

